Natural Resource Governance Institute

# Chỉ số Quản trị Tài nguyên 2017

Bản dịch tiếng Việt do Trung tâm Con người và Thiên nhiên (PanNature, tổ chức Điều phối Liên minh Khoáng sản) thực hiện. Các lỗi, sai sót về mặt ngôn ngữ và nội dung tiếng Việt, nếu có, thuộc trách nhiệm của PanNature.

Bản in tài liệu này có tại Văn phòng Trung tâm Con người và Thiên nhiên. Quý vị có thể tải bản điện tử của ấn phẩm này qua www.nature.org.vn/vn (tiếng Việt) và www.resourcegovernanceindex.org (tiếng Anh).

*Các vấn đề liên quan đến ấn phẩm, xin vui lòng liên hệ:*

**TRUNG TÂM CON NGƯỜI VÀ THIÊN NHIÊN**

*Tổ chức Điều phối Liên minh Khoáng sản*

Địa chỉ: Số 24 H2, Khu đô thị mới Yên Hòa, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: 024 3556 – 4001.  Fax: 024 3556 – 8941

Email: contact@nature.org.vn hoặc lmks@nature.org.vn

© 2017 Viện Quản trị Tài nguyên Thiên nhiên (Natural Resource Governance Institute – NRGI)

# Chỉ số Quản trị Tài nguyên 2017

# Lời nói đầu

Quản trị một cách hiệu quả ngành công nghiệp khai thác dầu mỏ, khí thiên nhiên và khoáng sản vẫn luôn được coi là một thách thức lớn, đặc biệt đối với các nước thu nhập thấp và trung bình. Kết quả đánh giá Chỉ số Quản trị Tài nguyên (Resource Governance Index) 2017 cho thấy, đây không phải là một thách thức không thể vượt qua. Có rất nhiều bằng chứng về những bước tiến bộ lớn tại các quốc gia đang phát triển, ở một hay một số khía cạnh chính sách, đã giúp thúc đẩy sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên và phục vụ cho công cuộc phát triển đất nước. Đáng tiếc là không phải quốc gia nào cũng đạt được những bước tiến như vậy. Một số trường hợp, trong vài năm gần đây, lại được ghi nhận là có những bước lùi đáng lo ngại trong phương thức khai thác và sử dụng tài nguyên thiên nhiên quốc gia.

Quản lý yếu kém và tham nhũng có thể xảy ra ở bất cứ nơi đâu, ở cả nước giàu và nước nghèo. Và không phải dễ dàng để có thể xóa bỏ những vấn nạn này. Mặc dù vậy, công dân các quốc gia, các nhà báo, nhà lập pháp, chính trị gia, doanh nghiệp, nhà đầu tư và các học giả đều có thể cùng hợp tác để góp phần giảm nhẹ tác động cũng như khiến những vấn nạn này sớm lộ diện - và đó cũng là khi mà những dữ liệu đã được thu thập và tổng hợp của Viện Quản trị Tài nguyên Thiên nhiên (Natural Resource Governance Institute – NRGI) trong báo cáo này trở nên có ý nghĩa.

Các thành viên của Viện chúng tôi đã làm việc hết mình trong thời gian qua để có thể cung cấp các bằng chứng và tư liệu đáng tin cậy, nhằm hỗ trợ các nỗ lực toàn cầu hướng đến một nền quản trị tài nguyên thiên nhiên tốt. Hy vọng rằng các thông tin do báo cáo này cung cấp sẽ đóng góp tích cực cho công việc của những người đã và đang phấn đấu vì một sự thịnh vượng kinh tế gắn với công bằng xã hội tại các quốc gia sản xuất tài nguyên trên toàn thế giới.

**Ernesto Zedillo Ponce de León**

*Giáo sư Kinh tế và Chính trị Quốc tế, Đại học Yale*

*Cựu Tổng thống Mexico*

*Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Viện Quản trị Tài nguyên Thiên nhiên*

# Giới thiệu

Khai thác dầu mỏ, khí thiên nhiên và khoáng sản là một trong những hoạt động phức tạp nhất về kinh tế, xã hội và chính trị trong phát triển. Đây cũng là hoạt động kinh doanh, tạo ra các liên kết trên toàn thế giới cũng như giúp thỏa mãn cơn khát năng lượng và tài nguyên thô. Ngành công nghiệp này cung cấp nguyên liệu đầu vào cho hầu như các mặt hàng sản xuất, tạo ra doanh thu hàng ngàn tỷ đô la, nhưng cũng đồng thời góp phần tạo nên một trong những thách thức lớn nhất trong lịch sử nhân loại - biến đổi khí hậu.

Những con số khổng lồ mà ngành công nghiệp khai thác đem lại hoàn toàn đối lập với sự nghèo đói ở nhiều quốc gia có tài nguyên thiên nhiên - 1,8 tỷ người hiện phải sống trong nghèo đói tại các quốc gia thuộc phạm vi đánh giá của báo cáo này.[1] Nhiều bằng chứng đã chỉ rõ: tình trạng đáng buồn này chỉ có thể thay đổi khi tình hình quản trị tài nguyên được cải thiện – nghĩa là, các thể chế, luật pháp và các thực hành đã và đang thiết lập nên cách thức mà những người điều hành doanh nghiệp, chính phủ ra quyết định, cam kết và gây ảnh hưởng tới người dân, các cộng đồng và môi trường họ sinh sống, được cải thiện.

Để đưa ra được các giải pháp cải thiện quản trị tài nguyên thi cần phải hiểu được chi tiết về các khía cạnh đang vận hành tốt, các khía cạnh chưa hiệu quả và cần phải có các công cụ đo lường điều này. Chỉ số Quản trị Tài nguyên, do đó, ra đời nhằm đánh giá chất lượng quản trị tài nguyên thiên nhiên tại 81 quốc gia, hiện đang đóng góp 82% tổng lượng dầu trên toàn thế giới, 78% tổng lượng khí thiên nhiên và 72% tổng lượng đồng, chưa kể các tài nguyên khác.[2] Khung đánh giá của chỉ số này được xây dựng dựa trên nền tảng là Hiến chương Tài nguyên Thiên nhiên; cũng là sản phẩm của các chuyên gia Viện Quản trị Tài nguyên Thiên nhiên (NRGI) cùng mạng lưới các học giả và chuyên gia độc lập khác.

Báo cáo này này là kết quả tổng hợp của 89 đánh giá cấp quốc gia (trong đó có tám quốc gia được đánh giá cả hai lĩnh vực dầu khí và khai khoáng), thông qua việc sử dụng một bộ khung quản trị, bao gồm 149 câu hỏi quan trọng, được 150 nhà nghiên cứu thực hiện với gần 10.000 tư liệu hỗ trợ. Các nhà nghiên cứu đã thực hiện đánh giá một cách cẩn trọng về các khía cạnh của ngành công nghiệp khai thác, dựa hoàn toàn trên các dữ liệu sẵn có từ các nguồn đa dạng cũng như được phân tích trong bối cảnh chính trị - xã hội của các quốc gia. Những phát hiện trình bày trong báo cáo này là những điểm nổi bật nhất được phân tích từ bộ cơ sở dữ liệu lớn hơn cũng như hồ sơ thông tin của các quốc gia. Thông tin chi tiết được đăng tải trên www.resourcegovernanceindex.org.

Vậy kết quả đánh giá của chỉ số này nói với chúng ta điều gì? Những dữ liệu cho thấy dù đã có những nỗ lực lớn từ các chính phủ, các nhà hoạt động chính trị và cộng đồng quốc tế, quản trị tài nguyên vẫn là một thách thức lớn ở hầu hết các quốc gia. Dù đã có những cải thiện ở một hoặc một vài khía cạnh nhưng hầu hết các quốc gia đều cần phải tiếp tục cải thiện một cách đáng kể ở nhiều khía cạnh khác trong quản trị tài nguyên.

Đặc biệt, các nỗ lực cải cách quản trị cũng đã đạt được một số thành tựu đáng kể. Các bằng chứng trong đánh giá này cho thấy, nhiều quốc gia - kể cả những quốc gia đang trong hoàn cảnh khó khăn - đã có được những bước tiến vững chắc về quy định và quy trình trong quản trị tài nguyên. Những quốc gia đang thúc đẩy cải cách sẽ không cần nhìn đâu xa để tìm kiếm một nguồn cảm hứng động viên họ hướng tới một nền quản trị tốt hơn – bởi ở mỗi khu vực trên thế giới đều có những quốc gia đang thực hiện những tiếp cận sáng tạo và đã đạt được những tiến bộ nhất định. Đánh giá này cũng cho thấy có nhiều tiến bộ trong xây dựng các quy định hơn là trong việc thực thi chúng trong thực tế. Do đó, những quốc gia thực sự mong muốn cải thiện nền quản trị, trước mắt  nên tập trung vào việc thực hiện tốt hệ thống pháp lý sẵn có. Đồng thời, kết quả đánh giá cũng nhận thấy rằng các nước có không gian dân sự được đảm bảo và vấn nạn tham nhũng được kiểm soát thì sẽ có kết quả quản trị tài nguyên tốt hơn.

Từ yêu cầu thực tiễn của mục tiêu tăng trưởng tổng thể ở các quốc gia giàu tài nguyên, nhiều sáng kiến quốc tế nhằm cải thiện quản trị cũng đã được nhiều bên, như các nước thành viên G7, các công ty đa quốc gia và cả các định chế tài chính đa phương, giới thiệu và khuyến khích áp dụng. Tuy nhiên, ở cấp độ quốc gia, vẫn còn rất nhiều việc cần phải làm để có thể đạt được các mục tiêu đối mới kinh tế một cách tích cực, bảo vệ tốt môi trường và bảo hộ quyền hưởng lợi của người dân từ các hoạt động khai thác tài nguyên.

Các quốc gia và các bên khác nhau sẽ có những mối quan tâm, ưu tiên và cách thức hành động khác nhau. Do đó, các thảo luận công khai về các khía cạnh môi trường, xã hội, kinh tế và chính trị, được cung cấp đầy đủ thông tin và có sự tham gia của nhiều bên, là vô cùng cần thiết. Chúng tôi tin tưởng rằng những bằng chứng, thông tin trong báo cáo này sẽ cung cấp thêm thông tin hỗ trợ cho các bên khi tham gia vào những thảo luận như vậy cũng như quá trình ra quyết định sau đó.

**Daniel Kaufmann**

*Chủ tịch và CEO*

*Viện Quản trị Tài nguyên Thiên nhiên*

## Điểm và xếp hạng các quốc gia theo Chỉ số Quản trị Tài nguyên

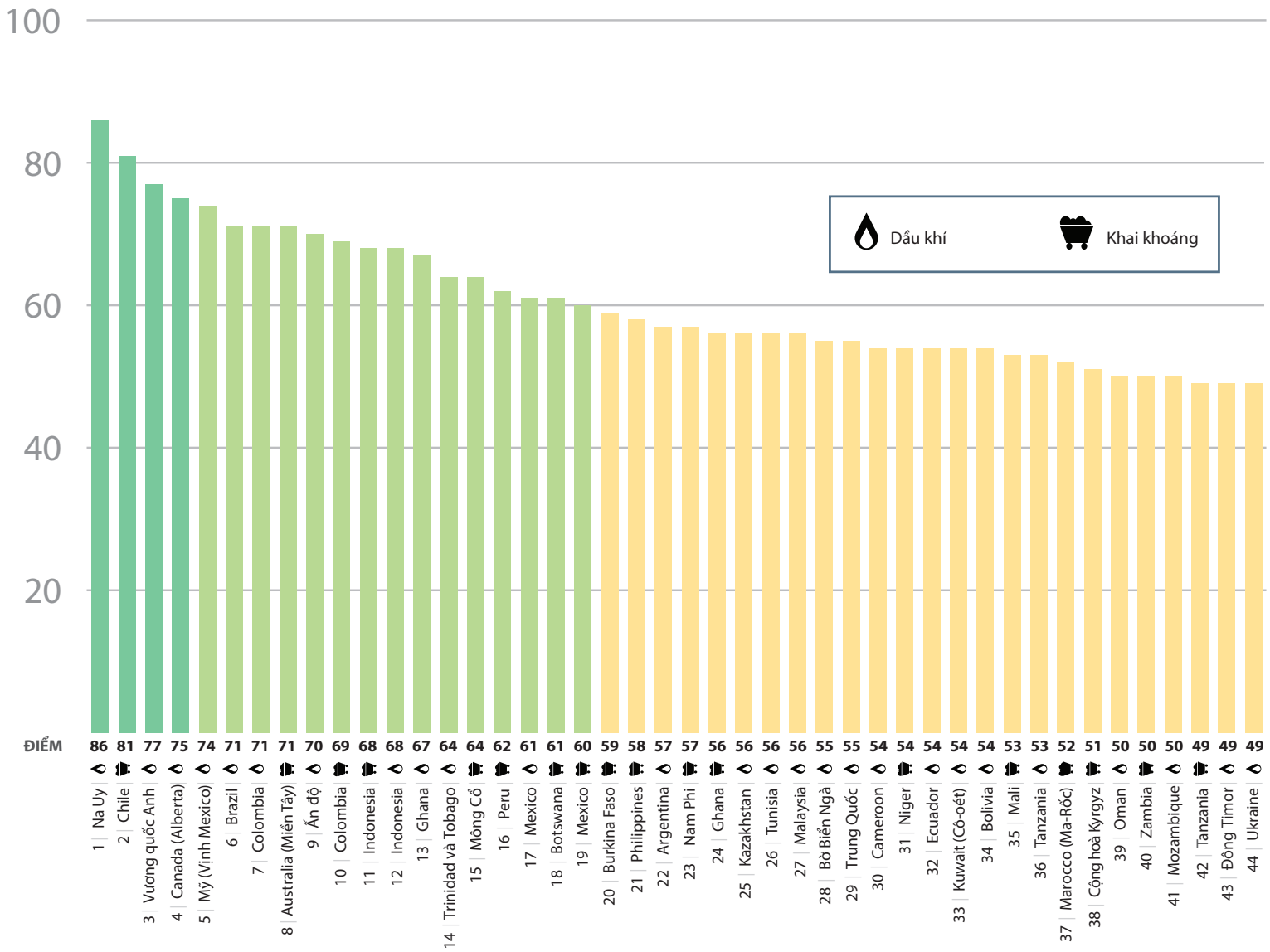

| | | |
|---|---|---|
| Tốt | ≥ 75 | Quốc gia và có luật thực tiễn triển khai dường như đã giúp người dân hưởng lợi từ khai thác tài nguyên, dù có thể có một số phí tổn xã hội. |
| Thoả mãn | 60-74 | Quốc gia có một số quy trình quản trị và triển khai tốt, nhưng cần cải thiện một số lĩnh vực. Dường như người dân đã được hưởng lợi từ khai thác tài nguyên, nhưng có thể có phí tổn xã hội. |
| Yếu | 45-59 | Quốc gia có một số lĩnh vực quản trị tốt và một số có vấn đề . Kế quả cho thấy khai thác tài nguyên có thể giúp ích cho xã hội, nhưng dường như các lợi ích lâu dài rất mờ nhạt. |
| Kém | 30-44 | Quốc gia có một số quy trình và triển khai tối thiểu để quản trị tài nguyên , nhưng thiếu hầu hết các yếu tố cần thiết để đảm bảo xã hội được hưởng lợi. |
| Rất kém | < 30 | Quốc gia hầu như chưa có khung quản trị để đảm bảo khai thác tài nguyên mang lợi ích cho xã hội. Nhiều khả năng lợi ích chỉ vào tay một số doanh nghiệp và giới chóp bu. |

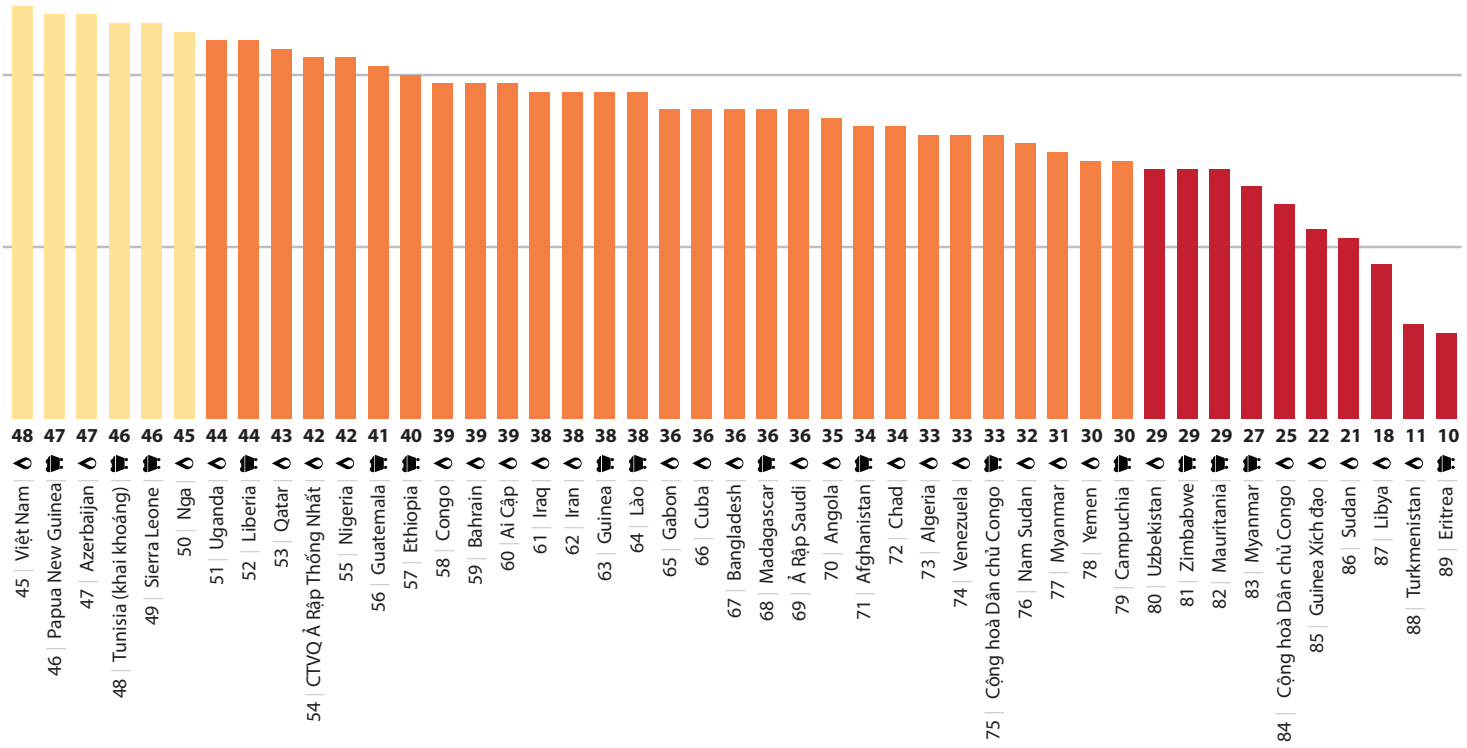

# Xây dựng Chỉ số Quản trị Tài nguyên 2017

**1.** NRGI xây dựng một bảng hỏi gồm 149 câu hỏi

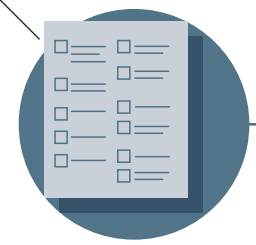

**2.** 150 nhà nguyên cứu từ 81 nước tham gia thu thập tư liệu, đánh giá và hoàn thành bảng hỏi

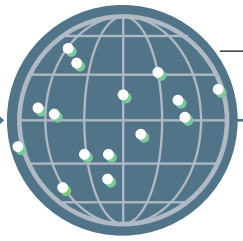

**3.** NRGI kiểm chứng và đánh giá chất lượng các thông tin, dữ liệu đã thu thập được

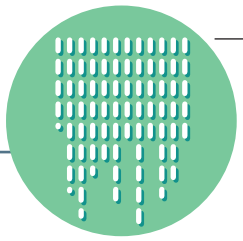

**4.** NRGI tổng hợp dữ liệu và cho điểm cho hai hợp phần chính của Chỉ số Quản trị Tài nguyên – nhận thức giá trị và quản lý nguồn thu

NRGI tổng hợp, phân tích và đưa ra kết quả đánh giá cuối

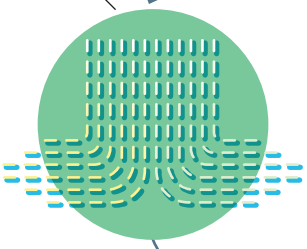

**5.** NRGI thu thập các dữ liệu bổ sung để thực hiện đánh giá môi trường thuận lợi – hay bối cảnh rộng hơn về thể chế quản trị và tính minh bạch của các quốc gia.

**6.** NRGI tính toán và cho điểm tất cả các hợp phần của Chỉ số dựa trên cơ sở dữ liệu sơ cấp và thứ cấp

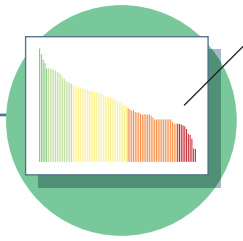

**7.** NRGI tổng hợp, phân tích và đưa ra các nhận định đánh giá chính

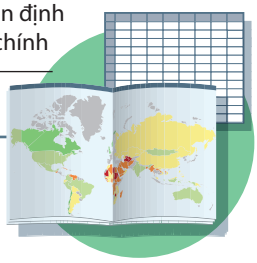

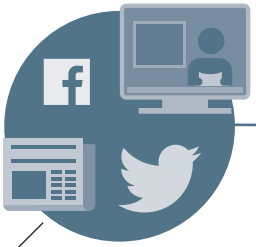

**8.** NRGI công bố rộng rãi đánh giá Chỉ số Quản trị Tài nguyên và đưa ra các khuyến nghị với các cơ quan liên quan

**9.** Các chính phủ, báo chí, các tổ chức xã hội ngoài công lập và doanh nghiệp có thể sử dụng các kết quả của đánh giá Chỉ số này để thúc đẩy quản trị tài nguyên tốt hơn vì lợi ích của người dân và các nhà đầu tư

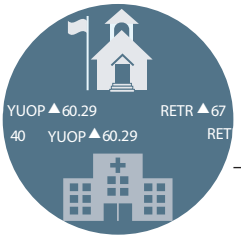

## ĐỐI TƯỢNG ĐO LƯỜNG CỦA CHỈ SỐ

Chỉ số Quản trị Tài nguyên hướng tới đánh giá chất lượng các chính sách và hiệu quả thực thi chính sách của các chính phủ trong quản trị ngành công nghiệp dầu mỏ, khí thiên nhiên và khoáng sản. Mỗi đánh giá đều có một điểm số tổng hợp. Đối với hầu hết các quốc gia trong phạm vi nghiên cứu, chỉ số này sẽ được áp dụng cho hoặc ngành dầu khí hoặc ngành khai khoáng. Chỉ có tám quốc gia được lựa chọn đánh giá cả hai ngành.

Với mỗi đánh giá, NRGI thực hiện tính điểm tổng hợp dựa trên điểm số của ba hợp phần chính. Hai trong số ba hợp phần đều là những nghiên cứu được thực hiện mới dựa trên nội dung trả lời bảng hỏi của các nhà nghiên cứu và nhằm đo lường trực tiếp mức độ quản trị của các quốc gia. Hợp phần thứ nhất – *Nhận thức giá trị* - Bao gồm các chỉ số đánh giá chất lượng quản trị liên quan đến phân bổ quyền khai thác, hoạt động thăm dò, chế biến, bảo vệ môi trường, quản lý thu và các tập đoàn, doanh nghiệp quốc doanh . Hợp phần thứ hai – *Quản lý nguồn thu* – bao gồm các chỉ số đánh giá quản lý ngân sách quốc gia, phân bổ nguồn thu từ trung ương đến cấp địa phương và quản lý các quỹ đầu tư của chính phủ. Hợp phần thứ ba - *Môi trường thuận lợi* - hợp phần này dựa trên các nghiên cứu sẵn có để đánh giá bối cảnh quản trị toàn diện hơn của các quốc gia.

Điểm cho từng hợp phần được tính dựa trên điểm của các tiểu hợp phần tương ứng với các khía cạnh chính sách khác nhau. Mỗi tiểu hợp phần trong hợp phần *nhận thức giá trị và quản lý nguồn thu* tập trung vào những khía cạnh cụ thể trong quản trị và tương ứng với một điều khoản trong Hiến chương Tài nguyên Thiên nhiên của NRGI và các tiêu chuẩn đi kèm - đây đều là các công cụ xác định và phân tích chuỗi giá trị của ngành công nghiệp khai thác, bắt đầu từ khi các chính phủ đưa ra các quyết định cho phép khai thác đến khi toàn xã hội được hưởng lợi từ tài nguyên quốc gia mình.

Điểm số của từng chỉ số đơn lẻ đều được tính trên thang từ 0 tới 100, cho phép người dùng đánh giá chất lượng quản trị tài nguyên ở từng tiểu hợp phần, các hợp phần chính và điểm tổng hợp của từng quốc gia cũng như so sánh các quốc gia với nhau.

Cũng giống như các đánh giá theo chỉ số khác, điểm của các chỉ số không thể tuyệt đối chính xác. Điều này nghĩa là không nên đưa ra các kết luận khi chỉ dựa vào những khác biệt nhỏ về điểm số trong khi áp dụng. Cũng vì lý do này mà dựa vào điểm số tổng hợp cuối cùng của các quốc gia, kết quả được chia thành các nhóm mang tính tương đối: tốt, thỏa mãn, yếu, kém và rất kém.

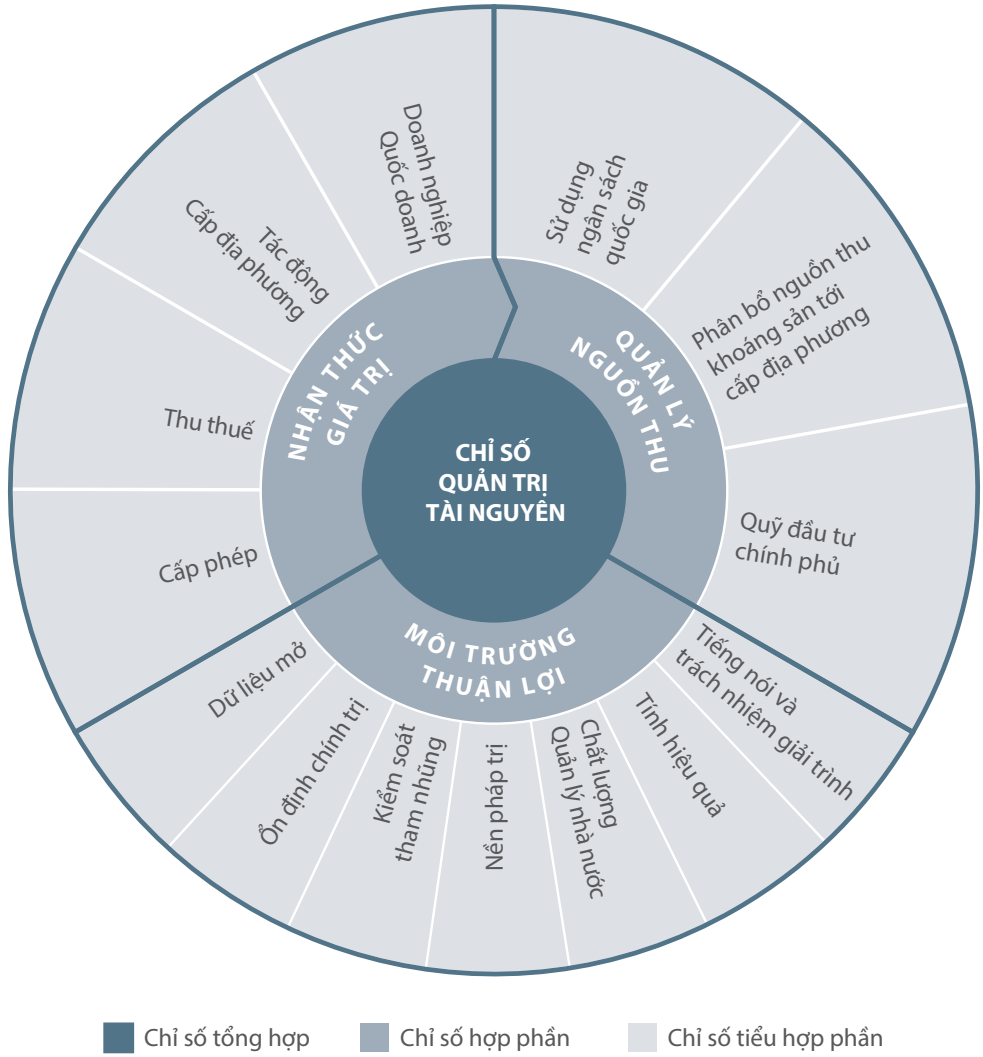

# Chỉ số Quản trị Tài nguyên: Điểm tổng hợp và điểm hợp phần chính của các quốc gia

| Xếp hạng | Quốc gia | Lĩnh vực đánh giá | Điểm xếp hạng | Điểm Nhận thức giá trị | Điểm quản lý nguồn thu | Điểm môi trường thuận lợi |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Na Uy | | 86 | 77 | 84 | 97 |
| 2 | Chile | | 81 | 74 | 81 | 90 |
| 3 | Vương quốc Anh | | 77 | 70 | 68 | 95 |
| 4 | Canada (Alberta) | | 75 | 69 | 59 | 97 |
| 5 | Mỹ (Vịnh Mexico) | | 74 | 66 | 63 | 93 |
| 6 | Brazil | | 71 | 62 | 78 | 72 |
| 7 | Colombia (Dầu khí) | | 71 | 59 | 85 | 67 |
| 8 | Australia (Miền Tây) | | 71 | 65 | 51 | 96 |
| 9 | Ấn Độ | | 70 | 75 | 66 | 69 |
| 10 | Colombia (Khai khoáng) | | 69 | 59 | 82 | 67 |
| 11 | Indonesia (Khai khoáng) | | 68 | 64 | 76 | 65 |
| 12 | Indonesia (Dầu khí) | | 68 | 64 | 76 | 65 |
| 13 | Ghana (Dầu khí) | | 67 | 65 | 65 | 70 |
| 14 | Trinidad và Tobago | | 64 | 64 | 57 | 71 |
| 15 | Mông Cổ | | 64 | 63 | 54 | 73 |
| 16 | Peru | | 62 | 68 | 57 | 62 |
| 17 | Mexico (dầu khí) | | 61 | 64 | 54 | 65 |
| 18 | Botswana | | 61 | 40 | 62 | 81 |
| 19 | Mexico (khai khoáng) | | 60 | 62 | 53 | 65 |
| 20 | Burkina Faso | | 59 | 66 | 54 | 57 |
| 21 | Philippines | | 58 | 55 | 52 | 67 |
| 22 | Argentina | | 57 | 58 | 54 | 58 |
| 23 | Nam Phi | | 57 | 50 | 40 | 80 |
| 24 | Ghana (khai khoáng) | | 56 | 61 | 37 | 70 |
| 25 | Kazakhstan | | 56 | 53 | 54 | 61 |
| 26 | Tunisia (dầu khí) | | 56 | 60 | 40 | 67 |
| 27 | Malaysia | | 56 | 49 | 41 | 77 |
| 28 | Bờ biển Ngà | | 55 | 60 | 60 | 46 |
| 29 | Trung Quốc | | 55 | 52 | 54 | 59 |
| 30 | Cameroon | | 54 | 59 | 70 | 33 |
| 31 | Niger | | 54 | 55 | 60 | 47 |
| 32 | Ecuador | | 54 | 51 | 58 | 52 |
| 33 | Kuwait (Cô-oét) | | 54 | 44 | 51 | 67 |
| 34 | Bolivia | | 54 | 61 | 51 | 49 |
| 35 | Mali | | 53 | 48 | 70 | 42 |
| 36 | Tanzania (dầu khí) | | 53 | 65 | 40 | 53 |
| 37 | Marocco (Ma-Rốc) | | 52 | 56 | 35 | 64 |
| 38 | Cộng hòa Kyrgyz | | 51 | 57 | 51 | 44 |
| 39 | Oman | | 50 | 32 | 43 | 76 |
| 40 | Zambia | | 50 | 58 | 35 | 58 |
| 41 | Mozambique | | 50 | 66 | 42 | 43 |
| 42 | Tanzania (khai khoáng) | | 49 | 54 | 40 | 53 |
| 43 | Đông Timor | | 49 | 49 | 57 | 42 |
| 44 | Ukraine | | 49 | 61 | 40 | 45 |
| 45 | Việt Nam | | 48 | 57 | 30 | 59 |

| Xếp hạng | Quốc gia | Lĩnh vực đánh giá | Điểm xếp hạng | Điểm Nhận thức giá trị | Điểm quản lý nguồn thu | Điểm môi trường thuận lợi |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 46 | Papua New Guinea | | 47 | 50 | 50 | 40 |
| 47 | Azerbaijan | | 47 | 49 | 43 | 49 |
| 48 | Tunisia (khai khoáng) | | 46 | 40 | 30 | 67 |
| 49 | Sierra Leone | | 46 | 62 | 35 | 40 |
| 50 | Nga | | 45 | 47 | 40 | 47 |
| 51 | Uganda | | 44 | 42 | 42 | 47 |
| 52 | Liberia | | 44 | 59 | 30 | 41 |
| 53 | Qatar | | 43 | 33 | 19 | 77 |
| 54 | CTVQ Ả Rập Thống Nhất | | 42 | 32 | 16 | 78 |
| 55 | Nigeria | | 42 | 50 | 44 | 31 |
| 56 | Guatemala | | 41 | 42 | 35 | 46 |
| 57 | Ethiopia | | 40 | 46 | 38 | 37 |
| 58 | Congo | | 39 | 45 | 44 | 29 |
| 59 | Bahrain | | 39 | 27 | 26 | 63 |
| 60 | Ai Cập | | 39 | 45 | 30 | 41 |
| 61 | Iraq | | 38 | 52 | 47 | 16 |
| 62 | Iran | | 38 | 36 | 45 | 34 |
| 63 | Guinea | | 38 | 53 | 24 | 37 |
| 64 | Lào | | 38 | 42 | 30 | 41 |
| 65 | Gabon | | 36 | 18 | 47 | 44 |
| 66 | Cuba | | 36 | 29 | 23 | 57 |
| 67 | Bangladesh | | 36 | 39 | 35 | 34 |
| 68 | Madagascar | | 36 | 36 | 34 | 38 |
| 69 | Ả Rập Saudi | | 36 | 23 | 24 | 60 |
| 70 | Angola | | 35 | 50 | 31 | 25 |
| 71 | Afghanistan | | 34 | 58 | 31 | 14 |
| 72 | Chad | | 34 | 39 | 43 | 19 |
| 73 | Algeria | | 33 | 40 | 25 | 35 |
| 74 | Venezuela | | 33 | 48 | 34 | 17 |
| 75 | Cộng hòa Dân chủ Congo (khai khoáng) | | 33 | 52 | 35 | 12 |
| 76 | Nam Sudan | | 32 | 42 | 47 | 5 |
| 77 | Myanmar (dầu khí) | | 31 | 44 | 30 | 19 |
| 78 | Yemen | | 30 | 50 | 28 | 11 |
| 79 | Campuchia | | 30 | 31 | 18 | 40 |
| 80 | Uzbekistan | | 29 | 40 | 25 | 22 |
| 81 | Zimbabwe | | 29 | 37 | 30 | 20 |
| 82 | Mauritania | | 29 | 41 | 10 | 36 |
| 83 | Myanmar (khai khoáng) | | 27 | 33 | 30 | 19 |
| 84 | Cộng hòa Dân chủ Congo (dầu khí) | | 25 | 44 | 20 | 12 |
| 85 | Guinea Xích đạo | | 22 | 29 | 18 | 17 |
| 86 | Sudan | | 21 | 26 | 26 | 11 |
| 87 | Libya | | 18 | 27 | 20 | 6 |
| 88 | Turkmenistan | | 11 | 11 | 0 | 21 |
| 89 | Eritrea | | 10 | 15 | 5 | 10 |

# Kết quả

### Hầu hết các quốc gia vẫn đang phải đối mặt với các thách thức về quản trị

May mắn sở hữu lượng dầu mỏ, khí thiên nhiên hay khoáng sản dưới lòng đất trị giá hàng tỷ đô la được kỳ vọng sẽ giúp người dân các quốc gia có được đời sống ấm no. Tuy nhiên, nhiều đánh giá lại chỉ ra rằng, nền kinh tế tại các quốc gia giàu tài nguyên lại thường tăng trưởng chậm hơn so với các quốc gia còn lại.[4] Chất lượng quản trị tài nguyên được coi là một trong những nguyên nhân chính dẫn tới nghịch lý này.[5] Trong số 81 quốc gia thuộc phạm vi đánh giá của Chỉ số này, có tới 47 quốc gia được Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) xếp hạng là giàu tài nguyên, căn cứ trên tỷ trọng của các ngành dầu mỏ, khí thiên nhiên và khai khoáng trong nền kinh tế.[6] Phần lớn các quốc gia này có kết quả Chỉ số đánh giá quản trị tài nguyên ở mức *yếu, kém hoặc rất kém*. May mắn, cũng có những trường hợp ngoại lệ. Botswana, Indonesia, Mông Cổ hay Na-uy, dù là các quốc gia giàu tài nguyên nhưng họ vẫn nằm trong nhóm những quốc gia được đánh giá có nền quản trị tài nguyên đạt mức *thỏa mãn* thậm chí là *tốt*.

### Giàu có không phải điều kiện cần để có nền quản trị tốt

Đánh giá này cho thấy, ngay cả các quốc gia giàu có cũng không tránh khỏi các vấn đề về quản trị tài nguyên. Tây Úc có điểm số khá thấp trong khía cạnh về cấp phép và thu thuế. Mỹ cũng chỉ đạt được 50 trên 100 điểm cho các quy định chính sách và tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường cấp địa phương nơi có hoạt động khoáng sản, nhất là ở khu vực Vịnh Mexico. Trong số 13 quốc gia thu nhập cao trong đánh giá này, 6 nước – đều ở khu vực Trung Đông – đều không đạt được điểm tổng hợp ở nhóm tốt hoặc thỏa mãn trong quản trị tài nguyên. Thấp nhất trong nhóm này là Ả Rập Xê Út, chỉ đạt được 36 trên 100 điểm.

Ngược lại, một số nền kinh tế thu nhập thấp và trung bình lại đang thực hiện quản trị tài nguyên khá tốt. Điển hình như Brazil, Ấn Độ và Colombia, đều nằm trong nhóm 10 quốc gia có điểm số cao nhất. Thậm chí, cũng có nhiều quốc gia thuộc nhóm nghèo nhất trong bảng xếp hạng này – dù không đạt điểm tổng hợp ở mức tốt hoặc thỏa mãn – nhưng vẫn đang thực hiện khá tốt ở một số khía cạnh, hợp phần đánh giá quản trị.

### Kết quả quản trị tài nguyên giữa các quốc gia trong cùng khu vực cũng có những khác biệt đáng kể

Kết quả đánh giá của Chỉ số này cho thấy, dù các quốc gia có đặc điểm địa lý và lịch sử tương đồng nhưng vẫn có phương thức quản trị tài nguyên khác nhau; từ đó, phản ánh những khác biệt lớn về kết quả quản trị. Ví dụ, cùng thuộc lục địa Á – Âu, Mông Cổ đạt 64/100 điểm, trong khi Turkmenistan chỉ đạt được 11 điểm. Ở Châu Mỹ La-tinh, Chi-lê đạt 81 điểm, Colombia đạt 71 điểm khi đánh giá ngành dầu khí, trong khi nước láng giềng Venezuela chỉ đạt 33 điểm. Khái quát hóa kết quả của toàn khu vực có thể sẽ gây ra những hiểu nhầm do che khuất đi những khác biệt giữa các quốc gia.

Tuy nhiên, ở một khía cạnh nào đó, việc chia sẻ bài học kinh nghiệm giữa các quốc gia cùng khu vực, đặc biệt từ các nước thực hiện tốt, có thể cho các nước lân cận thấy rằng thực hiện quản trị tốt trong ngành công nghiệp khai thác không phải là một việc bất khả thi.

### Kết quả quản trị tài nguyên trong cùng quốc gia cũng có khác biệt đáng kể tùy từng khía cạnh

Bỏ qua điểm tổng hợp của một quốc gia để phân tích sâu hơn vào các điểm hợp phần và tiểu hợp phần có thể thấy rất nhiều khác biệt. Hơn một  nửa các đánh giá quốc gia chỉ ra mức độ chênh lệch giữa các hợp phần (tốt nhất và yếu nhất) là khoảng 20 điểm. Ví dụ: Siera Leone đạt mức độ thỏa mãn với 62 điểm trong hợp phần về *nhận thức giá trị* nhưng chỉ đạt 35 điểm trong hợp phần về *quản lý nguồn thu.* Vấn đề này cũng xảy ra ở các nước có thu nhập cao như Mỹ và Canada (với điểm số thấp ở các hợp phần *quản lý nguồn thu)*, và ở các quốc gia nhiều dầu mỏ khu vực Vịnh Ba Tư.

Rất ít quốc gia đạt được mức điểm tốt hoặc thỏa mãn cho tất cả các tiểu hợp phần được đánh giá trong Chỉ số này. Đây là điểm rất đáng lưu ý bởi một quốc gia được đánh giá là quản trị tài nguyên hiệu quả (và kết quả là đem lại lợi ích từ khai thác tài nguyên) đòi hỏi một nền tảng đầy đủ các chính sách và quy trình quaen trị phối hợp hợp lý, chặt chẽ với nhau.[7] Ví dụ, ngành dầu khí Colombia đạt 100 điểm cho tiểu hợp phần về quản trị quỹ đầu tư của chính phủ, nhưng chỉ đạt 36 điểm trong tiểu hợp phần về bảo hộ quyền của cộng đồng địa phương và bảo vệ môi trường.

Quốc gia này có thể đã thiết lập được các cơ chế tốt để quản lý Quỹ Tiết kiệm và Bình ổn của mình. Tuy nhiên, nếu không có được các quy định và biện pháp bảo hộ tốt hơn cho các cộng đồng khu vực khai thác dầu thì có thể Columbia sẽ phải đối mặt với những rủi ro đáng tiếc về môi trường – xã hội, từ đó làm giảm hiệu quả đóng góp của ngành dầu khí cho quốc gia một cách tổng thể.

## Các trường hợp điểm số tổng hợp của quốc gia che lấp đi sự khác biệt trong kết quả của các tiểu hợp phần

### Nigeria

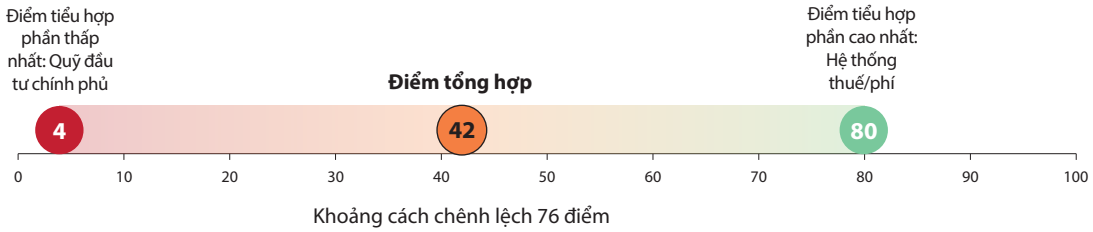


### Colombia (dầu khí)

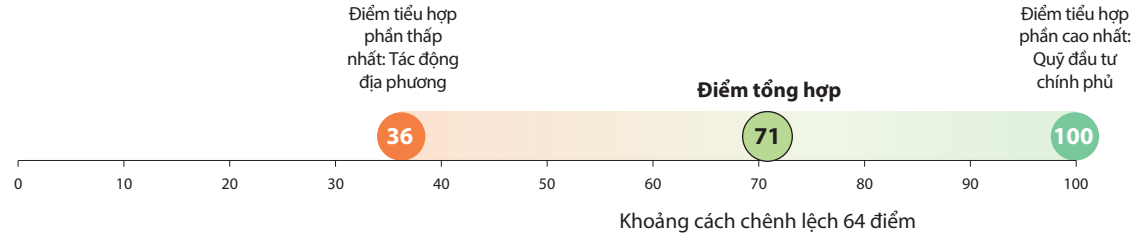


### Việt Nam

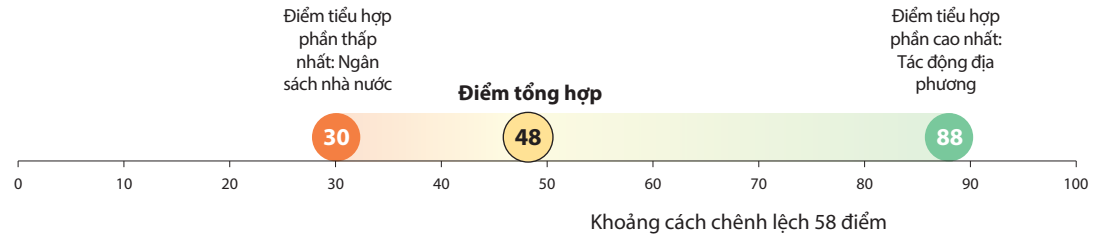

# Quản trị tài nguyên trên thế giới

Điểm và xếp hạng các quốc gia theo Chỉ số Quản trị Tài nguyên

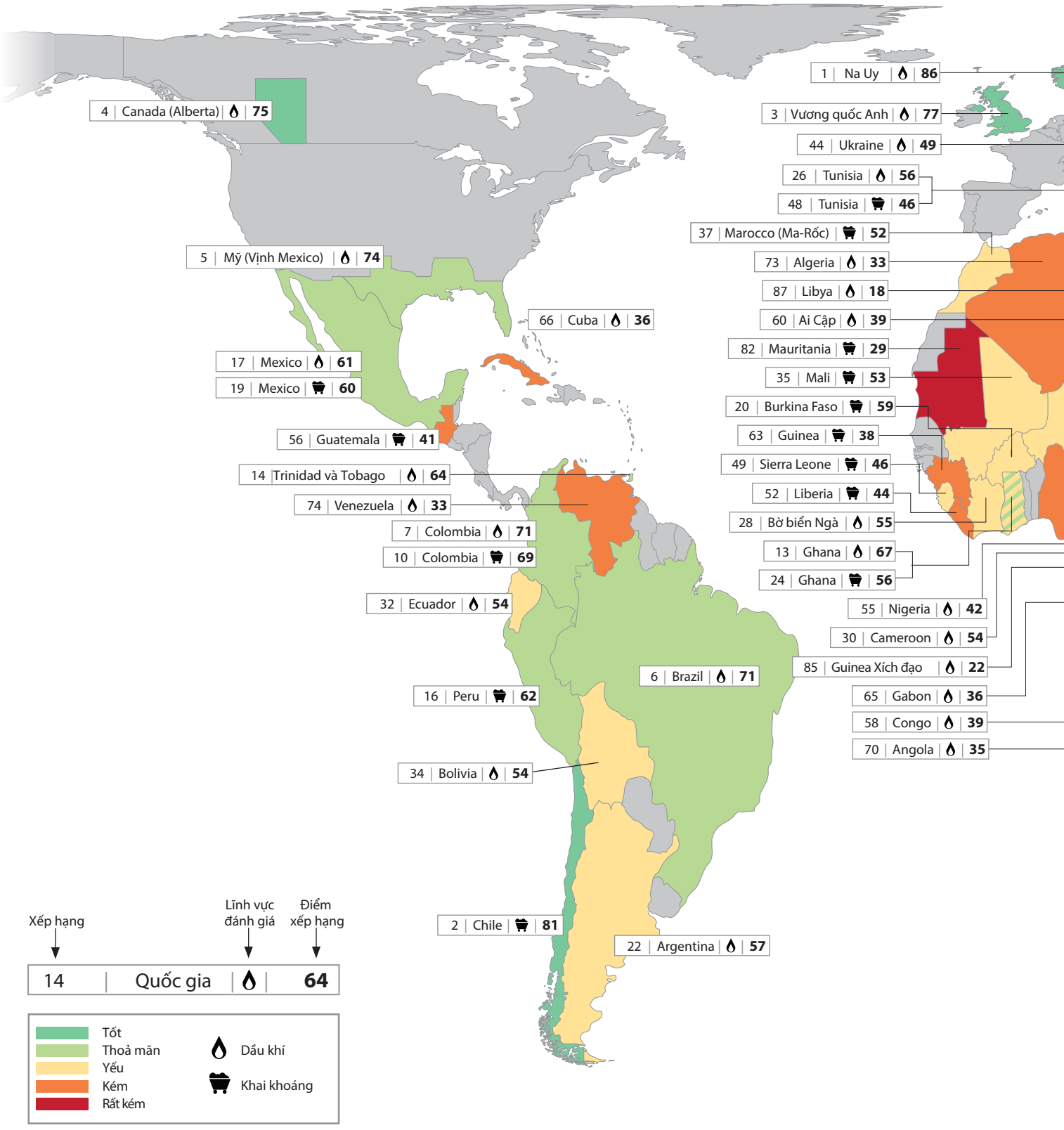

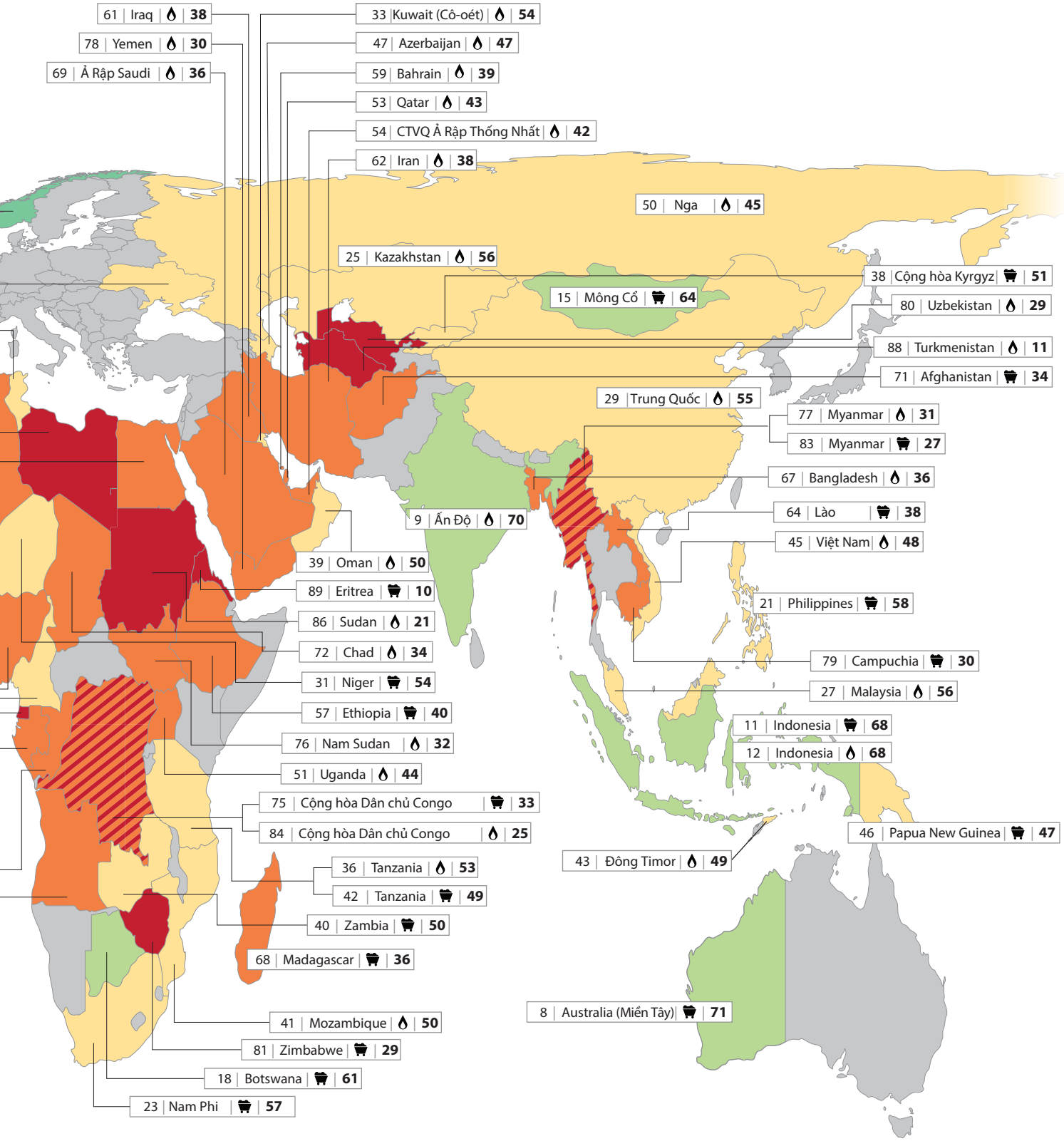
61 | Iraq | 38
78 | Yemen | 30
69 | Ả Rập Saudi | 36
33 | Kuwait (Cô-oét) | 54
47 | Azerbaijan | 47
59 | Bahrain | 39
53 | Qatar | 43
54 | CTVQ Ả Rập Thống Nhất | 42
62 | Iran | 38
50 | Nga | 45
25 | Kazakhstan | 56
38 | Cộng hòa Kyrgyz | 51
15 | Mông Cổ | 64
80 | Uzbekistan | 29
88 | Turkmenistan | 11
71 | Afghanistan | 34
29 | Trung Quốc | 55
77 | Myanmar | 31
83 | Myanmar | 27
67 | Bangladesh | 36
9 | Ấn Độ | 70
64 | Lào | 38
45 | Việt Nam | 48
39 | Oman | 50
89 | Eritrea | 10
21 | Philippines | 58
86 | Sudan | 21
72 | Chad | 34
79 | Campuchia | 30
31 | Niger | 54
27 | Malaysia | 56
57 | Ethiopia | 40
11 | Indonesia | 68
76 | Nam Sudan | 32
12 | Indonesia | 68
51 | Uganda | 44
46 | Papua New Guinea | 47
75 | Cộng hòa Dân chủ Congo | 33
84 | Cộng hòa Dân chủ Congo | 25
43 | Đông Timor | 49
36 | Tanzania | 53
42 | Tanzania | 49
40 | Zambia | 50
68 | Madagascar | 36
8 | Australia (Miền Tây) | 71
41 | Mozambique | 50
81 | Zimbabwe | 29
18 | Botswana | 61
23 | Nam Phi | 57

## Các quốc gia được đánh giá ở nhóm quản trị tài nguyên kém nhất thường không thể thực hiện được các quy định do chính họ đặt ra

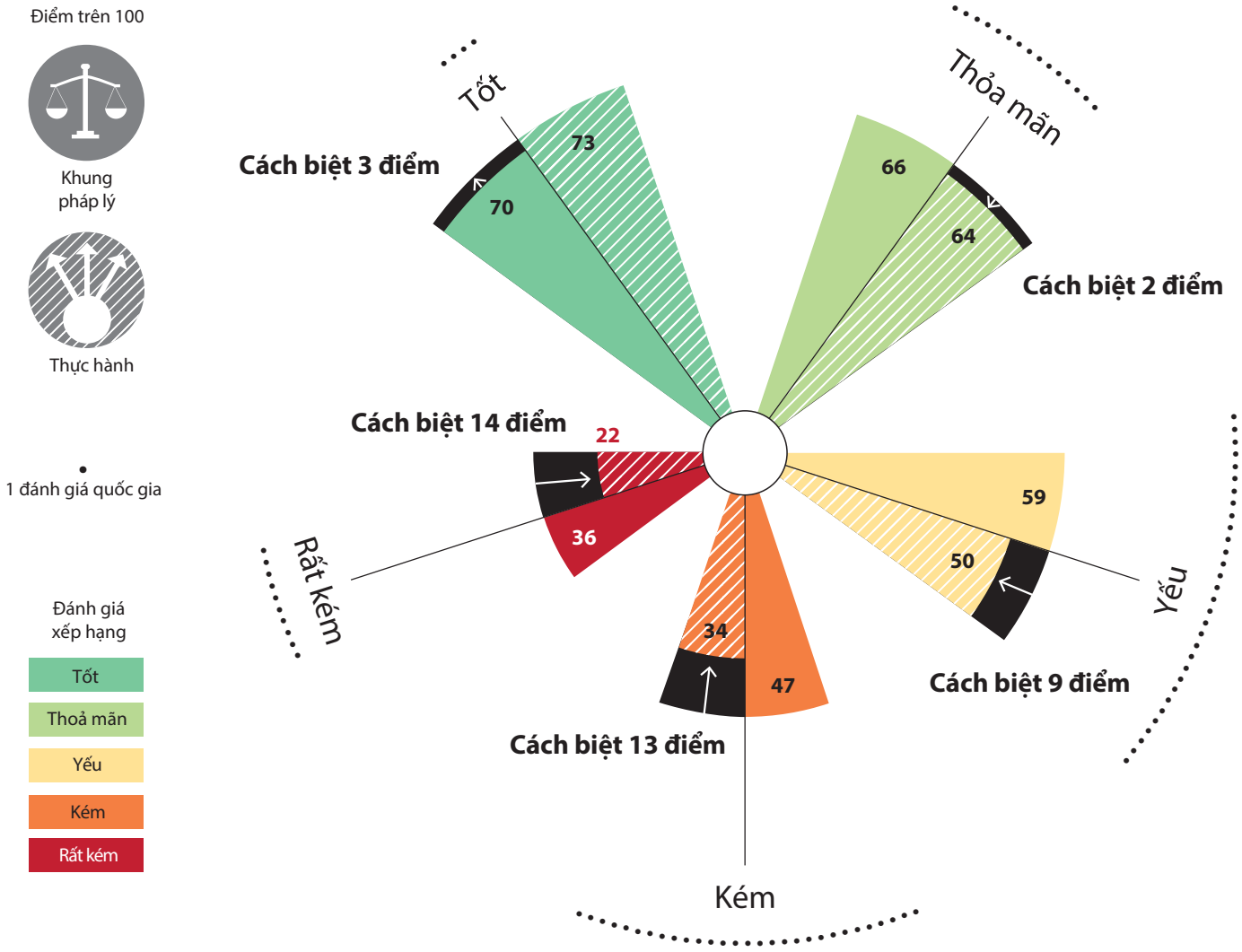

### Nhiều quốc gia thất bại trong việc thực thi các quy định của chính mình

Kết quả Chỉ số này đồng thời cũng giúp đánh giá khung pháp lý và thực tiễn triển khai tại các quốc gia. Điểm về khung pháp lý sẽ bao gồm điểm của tất cả các chỉ số đánh giá về tính phổ quát cũng như chất lượng, nội dung của các quy định pháp luật giúp định hình nền quản trị tài nguyên quốc gia (ví dụ, quốc gia có quy định yêu cầu công bố nội dung các hợp đồng khai thác hay không?). Điểm về thực tiễn triển khai bao gồm điểm của các chỉ số đánh giá các hành động của chính phủ (ví dụ, cơ quan chính phủ có thực sự công bố các hợp đồng khai thác như trong quy định pháp luật hay không?). Đo lường được thực tiễn triển khai sẽ giúp chỉ ra một chính phủ đã và đang thực thi và tuân thủ các quy định trong khung pháp lý do chính họ đặt ra như thế nào.

Quản trị tốt nghĩa là đặt ra quy định tốt, giám sát chặt chẽ việc thực hiện để đảm bảo các quy định được thực thi, và có đủ năng lực cùng quyết tâm để tuân thủ chúng. Dữ liệu của chỉ số này cũng cho biết các quốc gia đang thực hiện điều này tới đâu. Tổng hợp kết quả đánh giá về khung pháp lý và thực tiễn triển khai giúp đưa ra hai kết luận chính. Một là, các quốc gia đều cần phải cải thiện chất lượng khung pháp lý của mình. Hai là, các quốc gia thường thất bại khi thực thi và tuân thủ các quy định pháp lý của chính mình trong thực tiễn. Điểm trung bình cho khung pháp lý của các quốc gia là 54/100 trong khi điểm trung bình cho thực tiễn triển khai là 45. Khoảng cách giữa khung pháp lý và thực tiễn trung bình là 9 điểm. Khoảng cách này còn lớn hơn nữa đối với các quốc gia có nền quản trị kém, như với nhóm các quốc gia được xếp hạng quản trị ở mức rất kém, trung bình cách biệt này là 14 điểm.

Tuy nhiên, vẫn có một số trường hợp triển khai thực tiễn tốt mà không cần có khung pháp lý đầy đủ quy định. Đó là trường hợp của Malaysia khi điểm thực tiễn triển khai tốt hơn điểm về khung pháp lý, nổi bật hơn hẳn so với các quốc gia khác. Công ty dầu mỏ quốc gia Malaysia là Petronas đã thực hiện tốt các nội dung về hợp đồng và báo cáo tài chính, dù không có quy định pháp luật này buộc họ phải làm như vậy. Nhưng nhìn chung, các thực hành tốt trong bối cảnh thiếu hụt các quy định pháp lý chỉ là cá biệt, khó bền vững hay duy trì được lâu dài.

Khoảng cách giữa khung pháp lý và thực tiễn triển khai cũng được thể hiện rõ nhất trong hai tiểu hợp phần: tác động ở cấp địa phương và phân bổ nguồn thu tài nguyên tới cấp địa phương. Điểm trung bình cho các quy định về quản lý tác động ở cấp địa phương là 64 điểm – nhưng điểm thực tiễn triển khai trung bình chỉ đạt 23 điểm. Nguyên nhân chủ yếu là do hầu hết các quốc gia được đnáh giá đều thất bại trong việc thực hiện và tuân thủ đầy đủ các quy định về môi trường. Tương tự đối với tiểu hợp phần về phân bổ nguồn thu tài nguyên tới cấp địa phương, các quốc gia đạt trung bình 76 điểm cho khung pháp lý nhưng chỉ đạt trung bình 45 điểm cho thực tiễn triển khai. 23/33 chính phủ được yêu cầu phải thực hiện kiểm toán khi phân bổ nguồn thu tài nguyên cho chính quyền địa phương, nhưng trên thực tế chỉ có 12 trường hợp được thực hiện.

Phân tích các dữ liệu của Chỉ số còn cho thấy các quốc gia kiểm soát tham nhũng tốt có xu hướng thực thi các quy định pháp luật tốt hơn. Điều này gợi ý rằng khoảng cách giữa pháp luật và thực tiễn triển khai không chỉ là vấn đề do hạn chế nâng lực chuyên môn khi thực hiện.

| Đánh giá kiểm soát tham nhũng | Khoảng cách giữa điểm khung pháp lý và điểm thực tiễn triển khai |
|---|---|
| Tốt/Thỏa mãn | 3 |
| Yếu | 12 |
| Kém/Rất kém | 13 |

# Vì sao quản trị tài nguyên quan trọng?

Vì sao kết quả của Chỉ số này quan trọng? Các quốc gia quản lý tài nguyên kém sẽ phải đối mặt với những hệ lụy nào? Dưới đây là ba lý do giải thích vì sao quản trị tài nguyên quan trọng.

## Quản trị tài nguyên yếu kém làm tăng đói nghèo

Nguồn thu từ tài nguyên thiên nhiên và cách thức quản lý chúng có thể tạo ra những thay đổi căn bản cho cuộc sống của 1,8 tỷ người nghèo tại các quốc gia thuộc phạm vi đánh giá trong Chỉ số này[8]. Gần một nửa số người nghèo này sống tại các quốc gia đang được xếp hạng quản trị tài nguyên yếu, kém hoặc rất kém. Đối với nhiều quốc gia trong nhóm này, nguồn thu từ việc khai thác tài nguyên được quản trị tốt sẽ giúp mở ra một con đường thoát nghèo. Nhưng nếu không có các thể chế và chính sách mạnh hơn, cùng với các nỗ lực giảm tham nhũng, các quốc gia này sẽ dễ dàng trở thành nạn nhân của "lời nguyền tài nguyên" - theo đó người nghèo sẽ mãi nghèo và người giàu sẽ trở nên ngày càng giàu có hơn. Các hệ lụy của các thể chế và chính sách yếu cùng vấn nạn tham nhũng cũng trở nên rõ ràng hơn trong những năm gần đây. Trong giai đoạn bùng nổ phát triển hàng hóa gần nhất, từ 2004 tới 2014, dù đã khai thác lượng dầu, khí và khoáng sản trị giá hàng ngàn tỷ đô la, các ngành phi khai thác ở những nền kinh tế giàu tài nguyên cũng không thể phát triển nhanh hơn so với giai đoạn trước.[9] Điều này đáng lưu ý bởi ở hầu hết các quốc gia, các ngành phi khai thác mới chính là nguồn cung việc làm - một con đường căn bản giúp giảm nghèo.[10]

## Quản trị tốt giúp làm giảm tổn hại môi trường

Quản trị tài nguyên quan trọng đối với môi trường và đời sống của những người sống xung quanh các khu vực khai thác. Các tập đoàn, doanh nghiệp dầu, khí và khai khoáng lớn tại các quốc gia được xếp hạng quản trị tài nguyên tốt có thể hoạt động với rất ít tác động tới môi trường địa phương (mặc dù ảnh hưởng toàn cầu từ phát thải các-bon thông qua chuỗi sản xuất vẫn đáng ngại). Ngược lại, ở các quốc gia có nền quản trị tài nguyên yếu kém, các doanh nghiệp cũng buông lỏng hoặc không tuân thủ các nội dung về bảo vệ môi trường và đảm bảo an toàn cho các cộng đồng địa phương. Từ trường hợp ô nhiễm sông Kafue ở Zambia tới mất rừng ở Amazon, rất nhiều tổn hại môi trường đều ít nhiều là do các doanh nghiệp khai thác tài nguyên bởi sự quản lý yếu kém của nhà nước.

## Quản trị tài nguyên sẽ trở nên ngày càng quan trọng trong tương lai

Suốt ba thập kỷ qua, nguồn tài nguyên khai thác của thế giới đã và đang chuyển từ khu vực Bắc bán cầu sang Nam bán cầu – trữ lượng được xác định ở các nước ngoài Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) đã tăng nhanh hơn ở các nước thành viên OECD.[11] Tỷ trọng sản xuất tài nguyên tại những quốc gia quản trị yếu, kém hoặc rất kém cũng có xu hướng tăng lên trong tương lai. Đồng thời, các nhà sản xuất nhiên liệu hóa thạch nói riêng cũng sẽ phải đối mặt với những bất ổn ngày càng tăng của thị trường. Để thích ứng và giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu, thế giới sẽ buộc phải từ bỏ dần việc sử dụng nhiên liệu hóa thạch. Do đó, nếu không kịp chuyển đổi, nhiều nước nghèo sẽ phải đối mặt với những tác động tiêu cực nhất của vấn nạn toàn cầu này. Sự chuyển đổi, xóa bỏ dần nhiên liệu hóa thạch trong tương lai, sẽ là một phép thử với nền quản trị ở các quốc gia sản xuất và xuất khẩu những nhiên liệu này.[12]

# Các thể chế quản trị tài nguyên

Cải thiện nền quản trị đồng nghĩa với cải thiện các tổ chức, thể chế quản trị. Dữ liệu của Chỉ số này cho phép đánh giá sâu hơn hoạt động của các thể chế thường gặp ở các quốc gia khai thác dầu mỏ, khí đốt và khoáng sản. Trong đó, các doanh nghiệp nhà nước và các quỹ đầu tư chính phủ được coi là hai thể chế vô cùng quan trọng.

## Doanh nghiệp nhà nước

Doanh nghiệp nhà nước (DNNN) đóng một vai trò trụ cột trong các ngành công nghiệp khai thác ở nhiều quốc gia. Một số khai thác dầu và khoáng sản để phục vụ cho sự phát triển đất nước. Một số khác lãng phí tài nguyên quốc gia bởi những hoạt động thiếu hiệu quả và tham nhũng. Chỉ số này đánh giá quản trị của 74 DNNN, bao gồm cả hai nhóm kể trên. Theo đó, tập đoàn Codelco của Chile được đánh giá là DNNN đang được quản trị tốt nhất. Tập đoàn Khai khoáng Quốc gia Eritrea kém nhất, trong nhóm 14 doanh nghiệp bị xếp hạng rất kém. Nhóm này gồm cả Saudi Aramco, công ty năng lượng lớn nhất thế giới, chỉ đạt 27/100 điểm. Yếu điểm lớn nhất chính trong quản trị doanh nghiệp này là sự thiếu minh bạch - nếu chính quyền Ả Rập Xê Út muốn niêm yết cổ phiếu công ty trên thị trường chứng khoán, có thể họ cần tăng cường minh bạch; các nhà đầu tư, cũng như người dân, sẽ cần được chia sẻ thông tin một cách đầy đủ hơn.

Dữ liệu chi tiết về DNNN trong Chỉ số cũng cho thấy một số vấn đề khác. Trong khi các DNNN đạt trung bình 56 điểm cho nội dung về công khai thông tin và quy định liên quan tới các khía cạnh khác trong quản trị doanh nghiệp, họ chỉ đạt 22 điểm cho các hoạt động kinh doanh dầu, khí và khoáng sản. Ví dụ, các DNNN ở Ecuador, Cô-oét, Mexico, Ả Rập Xê Út, Sudan, các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất và Venezuela chỉ cung cấp các thông tin tối thiểu về tình hình kinh doanh dầu. Điều này rất đáng lo ngại bởi ở nhiều quốc gia sản xuất dầu mỏ, hoạt động bán dầu đóng góp phần lớn vào thu nhập quốc dân; nếu không được quản lý tốt, nguồn thu từ hoạt động này rất dễ bị thất thoát do tham nhũng.[13]

## Quỹ đầu tư chính phủ

Chỉ số đánh giá 33 quỹ đầu tư chính phủ (QĐTCP) với tổng giá trị tài sản ít nhất là 3,3 ngàn tỷ đô la. Các quỹ này cũng cho thấy nhiều khác biệt trong chất lượng quản trị. Qũy Tiết kiệm và Bình ổn của Colombia là quỹ được quản lý tốt nhất trong đánh giá này. Sáu quỹ được quản lý tốt nhất thuộc các quốc gia rất khác nhau, trong đó có Ghana và Đông Timor. Theo kết quả của Chỉ số, các quỹ của Chile, Colombia và Ghana hiện đang được quản lý tốt hơn các quỹ của Canada và Na Uy.

Đáng lưu ý nhất là 11 quỹ bị xếp vào nhóm rất kém. Trong đó có Quỹ Đầu tư Abu Dhabi thuộc các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất, quỹ lớn thứ hai trong số các quỹ nằm trong đánh giá này, với 590 tỷ đô la. Các quỹ có điểm thấp nhất đều đang phải đối mặt với nhiều rủi ro, chi phí quản lý cao và các đầu tư mang tính chính trị.[14] Có thể còn có nhiều trường hợp khác quản lý yếu kém nhưng chưa biểu hiện rõ. Các quỹ của Algeria, Angola, Chad, Equatorial Guinea, Gabon, Nigeria, Qatar, Ả Rập Saudi, Sudan và Venezuela đều được đánh giá là thiếu minh bạch nên không thể xác định rõ tình trạng thất thoát nguồn thu là do quản lý kém – và ai là người được hưởng lợi từ các hoạt động đầu tư của các quỹ này.

# Doanh nghiệp nhà nước

| Quốc gia | Doanh nghiệp nhà nước | Doanh thu gộp (triệu USD/các năm được chọn) | Điểm [/100] |
|---|---|---|---|
| Chile | Codelco | 11.693 | 90 |
| Ấn Độ | Tập đoàn Dầu khí Quốc Gia Ấn Độ | 23.374 | 87 |
| Argentina | Yacimientos Petrolíferos Fiscales | 14.236 | 83 |
| Na Uy | Statoil | 45.873 | 80 |
| Marocco (Ma-Rốc) | Office Chérifien des Phosphates | 4.890 | 79 |
| Indonesia (khai khoáng) | Antam | 680 | 78 |
| Ukraine | Naftogaz | 6.596 | 76 |
| Ghana (dầu khí)) | Tập đoàn dầu mỏ Quốc gia Ghana | 180 | 75 |
| Trinidad và Tobago | Công ty TNHH Dầu mỏ Quốc gia Trinidad & Tobago | 3.047 | 75 |
| Mexico (dầu khí) | Petróleos Mexicanos | 52.241 | 74 |
| Colombia (dầu khí) | Ecopetrol | 18.998 | 73 |
| Bolivia | Yacimientos Petrolíferos Fiscales Bolivianos | 6.812 | 70 |
| Azerbaijan | Công ty Dầu Quốc gia Cộng Hòa Azerbaijan | 32.309 | 70 |
| Philippines | Tập đoàn Phát triển Khai khoáng Philippines | 2 | 70 |
| Zambia | Tập đoàn Đầu tư Mỏ hợp nhất Đồng Zambia | 163 | 69 |
| Indonesia (dầu khí) | Pertamina | 41.763 | 66 |
| Tunisia (dầu khí) | Entreprise Tunisienne des Activités Pétrolière | 621 | 66 |
| Iraq | Công ty Dầu Phương Nam | Không có dữ liệu | 66 |
| Kuwait (Cô-oét) | Công ty Dầu mỏ Kuwait | 106.002 | 65 |
| Malaysia | Petronas | 63.412 | 65 |
| Brazil | Petrobras | 97.314 | 65 |
| Nam Phi | Tập đoàn Thăm dò, Khai khoáng và Tài chính Châu Phi | 18 | 65 |
| Tanzania (dầu khí) | Tập đoàn Phát triển Dầu mỏ Tanzania | 35 | 64 |
| Việt Nam | Petro Việt Nam | 7.232 | 64 |
| Kazakhstan | Kazmunaigaz | 492 | 63 |
| Bờ biển Ngà | Société Nationale d'Opérations Petrolière de Cote d'Ivoire | 539 | 61 |
| Venezuela | Petróleos de Venezuela | 55.339 | 58 |
| Trung Quốc | Công ty Dầu mỏ Quốc gia Trung Quốc | 68.419 | 58 |
| Angola | Sonangol | 19.135 | 56 |
| Nga | Gazprom | 90.571 | 56 |
| Ecuador | Petroecuador | 8.174 | 56 |
| Qatar | Qatar Petroleum | 463.355 | 55 |
| Bangladesh | Petrobangla | 1.039 | 54 |
| Mozambique | Empresa Nacional de Hidrocarbonetos | 115 | 53 |
| Cameroon | Tập đoàn Hydrocarbons Quốc gia | 1.096 | 52 |
| Đông Timor | Timor Gás & Petróleo, Empresa Pública | 10 | 50 |
| Cộng hòa Kyrgyz | Kyrgyzaltyn | 485 | 50 |
| Papua New Guinea | Petromin | 76 | 49 |

| Quốc gia | Doanh nghiệp nhà nước | Doanh thu gộp (triệu USD/các năm được chọn) | Điểm [/100] |
|---|---|---|---|
| Algeria | Sonatrach | 70.366 | 47 |
| Chad | Société des Hydrocarbures du Tchad | Không có dữ liệu | 46 |
| Zimbabwe | Tập đoàn Phát triển Khai khoáng Zimbanwe | 307 | 45 |
| Nigeria | Tập đoàn Dầu mỏ Quốc gia Nigeria | 6.992 | 44 |
| Uzbekistan | Uzbekneftegaz National Holding Company | Không có dữ liệu | 41 |
| Ghana (khai khoáng) | Sankofa Prestea Limited | 19 | 41 |
| Congo | Société Nationale des Pétroles du Congo | Không có dữ liệu | 40 |
| Mông Cổ | Erdenes Mongol | 1.246 | 40 |
| Yemen | Tập đoàn Dầu khí Yemen | Không có dữ liệu | 40 |
| Cuba | Unión Cuba-Petroleo | Không có dữ liệu | 39 |
| Mauritania | Société Nationale Industrielle et Minière | 1.117 | 38 |
| Guinea | Société Guinéenne du Patrimoine Minier | 1 | 38 |
| Madagascar | Kraomita Malagasy | Không có dữ liệu | 36 |
| Ai cập | Tập đoàn Dầu mỏ Ả Rập | Không có dữ liệu | 36 |
| Cộng Hòa Dân chủ Congo (khai khoáng) | Gécamines | Không có dữ liệu | 35 |
| Niger | Société de Patrimoine des Mines du Niger | 127 | 35 |
| Tunisia (khai khoáng) | Compagnie de Phosphate de Gafsa | 260 | 35 |
| Myanma (dầu khí) | Công ty dầu khí Myanmar | Không có dữ liệu | 35 |
| Tanzania (Khai khoáng) | Tập đoàn Khai khoáng Quốc Gia | Không có dữ liệu | 33 |
| Libya | Tập đoàn Dầu quốc gia | Không có dữ liệu | 32 |
| Oman | Công ty Dầu Oman | 724 | 32 |
| Bahrain | Công ty Dầu mỏ Bahrain | 5.310 | 32 |
| Botswana | Debswana | 3.922 | 29 |
| Nam Sudan | Tập đoàn Dầu mỏ Nile | Không có dữ liệu | 28 |
| Ả Rập Saudi | Saudi Aramco | Không có dữ liệu | 27 |
| Các TVQ Ả Rập Thống Nhất | Công ty Dầu Quốc gia Abu Dhabi | Không có dữ liệu | 27 |
| Cộng Hòa Dân chủ Congo (dầu khí) | Société Nationale des Hydrocarbures (trước đây là Cohydro) | Không có dữ liệu | 25 |
| Ethiopia | Adola Gold Mine | Không có dữ liệu | 24 |
| Iran | Công ty Dầu Quốc gia Iran | Không có dữ liệu | 22 |
| Myanmar (khai khoáng) | Công ty đá quý Myanmar | Không có dữ liệu | 16 |
| Sudan | Tập đoàn dầu mỏ Sudan | Không có dữ liệu | 13 |
| Uganda | Công ty Dầu Quốc gia Uganda | 0 | 13 |
| Gabon | Công ty Dầu Gabon | Không có dữ liệu | 11 |
| Turkmenistan | Turkmengas State Concern | Không có dữ liệu | 10 |
| Guinea Xích đạo | GEPetrol | Không có dữ liệu | 7 |
| Eritrea | Tập đoàn khai khoáng quốc gia Eritrea | Không có dữ liệu | 4 |

** Công ty Dầu Quốc gia Uganda được thành lập vào giữa năm 2016 và chưa bắt đầu hoạt động. Vì thế hầu hết các chỉ số trong tiểu hợp phần DNNN đều không áp dụng được với trường hợp này. Quy định về quản trị của công ty chưa đầy đủ và người sử dụng xếp hạng này cần lưu ý điều đó khi đánh giá hoạt động của công ty.*

# Quỹ đầu tư chính phủ

| Quốc gia | Doanh nghiệp nhà nước | Doanh thu gộp (triệu USD/các năm được chọn) | Điểm [/100] |
|---|---|---|---|
| Colombia (khai khoáng) | Quỹ tiết kiệm và Bình ổn | 3.240 | 100 |
| Colombia (dầu khí) | Quỹ tiết kiệm và Bình ổn | 3.240 | 100 |
| Ghana (dầu khí) | Quỹ bình ổn Ghana | 208 | 93 |
| Chile | Quỹ bình ổn Kinh tế và Xã hội | 13.966 | 92 |
| Na Uy | Quỹ Lương hưu Chính phủ Toàn cầu | 926.940 | 90 |
| Đông Timor | Quỹ Dầu khí | 16.238 | 88 |
| Canada (Alberta) | Quỹ Ủy thác Tiết kiệm và Di sản Alberta | 17.900 | 88 |
| Trinidad và Tobago | Quỹ bình ổn và Di sản | 5.880 | 74 |
| Iran | Quỹ Phát triển Quốc gia Iran | 53.307 | 70 |
| Peru | Quỹ Bình ổn Tài chính | 7.904 | 69 |
| Kazakhstan | Quỹ Quốc gia Kazakhstan | 62 | 67 |
| Botswana | Quỹ Pula | 6.040 | 65 |
| Australia (Miền Tây) | Quỹ tương lai Tây Úc | 300 | 61 |
| Kuwait (Cô-oét) | Quỹ Đầu tư Kuwait | 524.000 | 61 |
| Azerbaijan | Quỹ Dầu Quốc gia Cộng hòa Azerbaijan | 33.600 | 52 |
| Oman | Quỹ dự phòng Chung Quốc gia | 34.000 | 47 |
| Mexico (dầu khí) | Quỹ Bình ổn Nguồn thu Dầu | 5.901 | 45 |
| Malaysia | Quỹ Ủy thác Quốc gia | 3.019 | 42 |
| Mông Cổ | Quỹ Bình ổn Tài chính | 250 | 42 |
| Nga | Quỹ Đầu tư Quốc gia | 73.570 | 40 |
| Uganda | Quỹ Dự phòng Đầu tư Nguồn thu Dầu | 72 | 36 |
| Libya | Quỹ Đầu tư Libya | 67.000 | 32 |
| Bahrain | Quỹ Dự phòng cho Thế hệ Tương lai | 400 | 32 |
| Angola | Quỹ Đầu tư Angola | 4.882 | 25 |
| Gabon | Quỹ Đầu tư Cộng hòa Gabon , Quỹ đầu tư chiến lược Gabon | 1.000 | 23 |
| Venezuela | Quỹ Phát triển Quốc gia | 17.250 | 22 |
| Các TVQ Ả Rập Thống nhất | Quỹ Đầu tư Abu Dhabi | 589.800 | 21 |
| Algeria | Quỹ Quản lý Nguồn thu | 7.570 | 21 |
| Ả Rập Saudi | Quỹ Đầu tư Ả Rập Saudi | 514.000 | 18 |
| Chad | Quỹ Quản lý Nguồn thu từ Khai thác dầu tại ba vùng Kome, Miandoum và Bolobo | Không có dữ liệu | 17 |
| Guinea Xích đạo | Quỹ cho Thế hệ Tương lai | 80 | 7 |
| Sudan | Tài Khoản Bình ổn Nguồn thu Dầu | Không có dữ liệu | 7 |
| Nigeria | Tài khoản Dầu thô Bổ sung | 2.400 | 4 |
| Qatar | Quỹ Đầu tư Qatar | 338.400 | 4 |

*Ghi chú: Tài sản thuộc quyền quản lý năm 2015 hoặc 2016, tuỳ quốc gia*

### Tính minh bạch và không gian dân sự

Chỉ số này đo lường hai yếu tố quan trọng mà công chúng mong đợi từ phía các chính phủ: tính minh bạch và không gian dân sự – cơ hội tiếp cận thông tin và năng lực công dân khi tham gia và các thảo luận về các chủ đề kinh tế, chính trị và xã hội của quốc gia.

*Tính minh bạch*

Chỉ số đo lường mức độ và chất lượng công khai thông tin về các khía cạnh chính sách chính trong quản lý tài nguyên được khai thác. Có ba dạng thông tin đặc biệt quan trọng cần công bố: các khoản nộp cho chính phủ, thông tin về các tổ chức, cá nhân hưởng lợi từ hoạt động của các doanh nghiệp, và các thỏa thuận, hợp đồng liên quan giữa chính phủ và doanh nghiệp.

Thông tin về các khoản chi trả của doanh nghiệp cho chính phủ rất quan trọng với công chúng, giới báo chí và các đại biểu quốc hội để biết được chính xác chính phủ đã thu được bao nhiêu, chi dùng như thế nào, các doanh nghiệp có nộp thuế đầy đủ không hay các dự án khai thác tài nguyên có thực sự mang lại lợi ích cho quốc gia. Thông tin được công bố càng chi tiết càng hữu ích. Chỉ số này đánh giá mức độ công bố các khoản chi trả do một số doanh nghiệp cụ thể cung cấp. Tại một nữa các quốc gia được đánh giá thuộc phạm vi Chỉ số này, chính phủ chỉ công khai các con số tổng về các khoản chi trả của các doanh nghiệp cho chính phủ. Theo phân tích trước đây của NRGI cho thấy, thông tin công khai về các khoản chi trả của từng doanh nghiệp cụ thể hoặc các báo cáo ở cấp dự án đơn lẻ cho chính phủ - thường rất hiếm gặp.

Hầu hết các thông tin công khai từ các khoản chi trả của các doanh nghiệp cụ thể đều từ các quốc gia thành viên tham gia Sáng kiến Minh bạch trong ngành Công nghiệp Khai thác (EITI). Điều này cho thấy rằng ở cấp độ quốc tế, EITI đã thúc đẩy được sự minh bạch chi trả của các doanh nghiệp – tuy nhiên, vẫn cần rất nhiều nỗ lực của các quốc gia để tiếp tục thúc đẩy tốt hơn nữa minh bạch ở các cấp thấp hơn, như cấp dự án.

Nếu công chúng muốn biết liệu các doanh nghiệp có dùng các tổ chức tập đoàn, liên danh để trốn, tránh thuế và liệu các quan chức chính phủ có lợi ích cá nhân từ các doanh nghiệp mà họ đang quản lý hay không, thì sẽ rất cần thiết nếu các doanh nghiệp và các quan chức chính phủ công bố thông tin về phạm vi hoạt động cũng như các lợi ích kinh tế, thương mại của họ. Chỉ số này cũng cho phép đánh giá hai nội dung công khai thông tin về: báo cáo tài sản, tài chính của các quan chức chính phủ trong các doanh nghiệp, và nhân thân liên quan của những "người chủ hưởng lợi" của các doanh nghiệp – là các cá nhân kiểm soát và hưởng lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp. Dữ liệu của Chỉ số cho thấy trong phần lớn trường hợp, luật pháp quy định các quan chức chính phủ phải công khai các tài sản, tài chính của họ với công chúng hoặc với một cơ quan công vụ chuyên trách. Nhưng chỉ có 11/89 đánh giá trong phạm vi Chỉ số cho thấy các quan chức chính phủ thực hiện công khai đầy đủ các thông tin này. Việc công khai thông tin với công chúng về cổ phần sở hữu hưởng lợi cũng rất hiếm gặp. Dù rất nhiều quốc gia đã có kế hoạch yêu cầu công khai trước công chúng thông tin này (thường là do tham gia thực hiện EITI), nhưng chỉ có 05 nước trong phạm vi đánh giá của chỉ số này có luật quy định và số quốc gia đã xây dựng được dữ liệu công khai về thông tin này còn ít hơn nữa. Thậm chí tại những nước đã có luật về công bố thông tin liên quan đến cổ phần sở hữu, hưởng lợi thì vẫn cần có những sửa đổi, cải thiện để các quy định này cũng như quá trình thực thi trở nên hiệu quả hơn.

Công chúng cũng cần biết thông tin về các điều khoản trong hợp đồng, giấy phép hoạt động khai thác diễn ra tại quốc gia mình. Chỉ số này đã ghi nhận 22 trường hợp trên tổng số 89 đánh giá có các quy định công khai thông tin hợp đồng và giấy phép khai thác. Các quy định công khai hợp đồng khai thác được luật hóa nhiều nhất ở các nước vùng hạ Sahara châu Phi và ít thấy nhất ở lục địa Á-Âu, Tây Âu và Bắc Mỹ. Và đánh giá này cũng xác nhận rằng việc có quy định yêu cầu công khai thông tin giúp tăng tần suất công khai thông tin về hợp đồng. Trong số 22 trường hợp có quy định về công khai thông tin, 16 chính phủ đã thực sự thực hiện việc công khai thông tin, ít nhất là một số hợp đồng. Trái lại, trong 67 trường hợp không có quy định công khai chỉ có 18 trường hợp thực hiện công khai hợp đồng.

*Không gian dân sự*

Hiệu quả của việc công khai thông tin, như các thông tin về hợp đồng và giấy phép khai thác, có thể sẽ phần nào bị giảm bớt nếu thiếu vắng một không gian dân sự cho các tổ chức xã hội ngoài công lập, có đủ năng lực và được cung cấp đầy đủ thông tin; từ đó, tham gia và đóng góp tích cực cho quá trình theo dõi và giám sát thực thi chính sách. Có hai điều kiện quan trọng để cải thiện điều này – "*không gian dân sự*", được hiểu là cơ hội được tiếp cận, cung cấp và sử dụng thông tin của công chúng nhằm hỗ trợ tốt hơn cho quá trình thực hiện và giải trình trách nhiệm của các cơ quan chính phủ. Một số quốc gia đã có những tiến bộ trong việc công khai thông tin dù rằng vẫn còn nhiều hạn chế như Azerbaijan, Trung Quốc và Việt Nam. Các quốc gia này đều đã công bố một lượng thông tin vừa phải, nhưng lại có điểm số rất thấp liên quan đến tiếng nói và trách nhiệm giải trình – chỉ số đo lường mức độ tham gia của công chúng trong các quyết định của chính phủ, cũng như thực thi các quyền cơ bản của công dân. Chỉ khi các nhà báo và công chúng có thể được cung cấp đầy đủ thông tin, có thể sử dụng chúng cho các thảo luận công khai và chất vấn chính phủ, thì minh bạch mới chuyển biến được thành các yêu cầu giải trình trách nhiệm và lợi ích từ khai thác tài nguyên mới có thể thực sự được hiện thức hóa thành các lợi ích xã hội.

Đáng tiếc, ở hầu hết các quốc gia trong phạm vi đánh giá, sự thiếu vắng một không gian dân sự thường đi liền với tình trạng thiếu minh bạch và quản trị yếu kém. Kết quả đánh giá cho thấy, các quốc gia thúc đẩy phát triển không gian dân sự cũng đồng thời có chỉ số quản trị tốt hơn. Thực tế cũng cho thấy, tiếng nói công chúng và thực hiện trách nhiệm giải trình, hơn bất cứ tiểu hợp phần nào khác trong hợp phần *môi trường thuận lợi*, có liên quan chặt chẽ tới kết quả của hai hợp phần *nhận thức giá trị và quản lý nguồn thu* của các quốc gia .

## Các quốc gia có tiếng nói công chúng và trách nhiệm giải trình ở mức tốt hoặc thỏa mãn có kết quả hợp phần nhận thức giá trị và quản lý nguồn thu tốt hơn

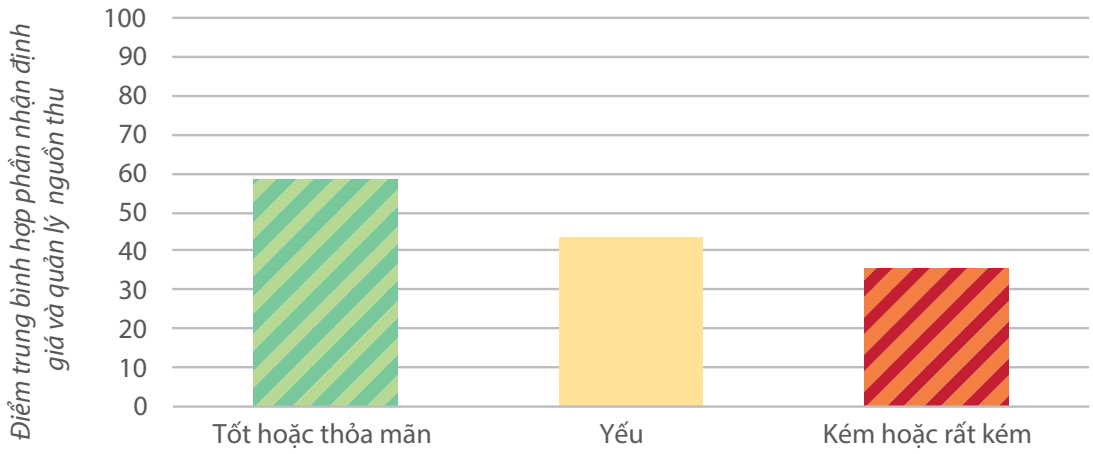

# Khuyến nghị

Kết quả của Chỉ số chỉ ra một số thách thức chung về quản trị tài nguyên thiên nhiên cho các quốc gia và cộng đồng thế giới. Giải quyết các thách thức này đòi hỏi các nỗ lực tổng thể. Ở đây chúng tôi xin phép được nêu ra sáu điểm chính có ý nghĩa toàn cầu.

## 1 Tập trung vào thực tiễn triển khai

Các chính phủ nên củng cố việc thực thi và tuân thủ quy định pháp luật trong ngành công nghiệp khai thác - đặc biệt trong những khía cạnh mà việc thực thi đang gặp nhiều vấn đề, như tuân thủ các quy định về môi trường, bảo hộ quyền lợi của cộng đồng địa phương và phân bổ nguồn thu khai thác cho các cấp địa phương. Dù việc tiếp tục xây dựng và cải thiện khung pháp lý trong ngành công nghiệp khai thác ở nhiều quốc gia vẫn rất cần thiết, nhưng thách thức cơ bản lại nằm ở khâu *thực thi và tuân thủ*các quy định của hệ thống này.

## 2 Tiếp tục công khai thông tin chính phủ

Các quốc gia đã có những bước tiến quan trọng trong một số khía cạnh về tính minh bạch, như công khai các khoản nộp của doanh nghiệp - nhưng cần tiếp tục đẩy mạnh chất lượng công khai thông tin để có những dữ liệu đủ toàn diện và chi tiết, có thể sử dụng trong các cuộc thảo luận và quyết định chính sách. Bước tiếp theo là cần tiếp tục làm sáng tỏ những chủ sở hữu lợi ích thực sự của các doanh nghiệp, lợi ích thương mại của các quan chức chính phủ và cộng sự, các thỏa thuận của chính phủ, và chi tiết các khoản chi trả của doanh nghiệp cho chính phủ ở cấp độ dự án.

## 3 Cải thiện quản lý doanh nghiệp nhà nước

Trước những điểm yếu của các DNNN ở hầu hết các trường hợp cũng như vai trò then chốt của họ tại các quốc gia giàu tài nguyên, cần thiết phải có những cải cách lớn. Điểm yếu lớn nhất của các DNNN, theo Chỉ số này, là các khía cạnh liên quan đến các quy định và công khai thông tin về doanh số kinh doanh dầu. Ngoài ra, các vấn đề quản trị doanh nghiệp cũng cần được cải thiện. Các DNNN có thể học hỏi thêm từ những bài học kinh nghiệm của các DNNN được đánh giá tốt nhất trong Chỉ số này. Các kinh nghiệm đó bao gồm việc thiết lập hội đồng quản trị độc lập; quy trình bổ nhiệm rõ ràng và trọng dụng nhân tài; và coi trọng trình độ chuyên môn hơn quan hệ chính trị.[15]

## 4 Thúc đẩy không gian dân sự và phòng chống tham nhũng

Kết quả đánh giá chỉ rõ rằng các thách thức trong ngành công nghiệp khai thác tài nguyên không chỉ về mặt kỹ thuật. Ở đâu công chúng bị hạn chế sự tham gia và khả năng giám sát hoạt động của chính phủ, giới hạn các quyền cơ bản của công dân, ở đó quản trị các ngành công nghiệp khai thác được đánh giá là yếu kém. Cần có nỗ lực toàn diện để tạo điều kiện cho không gian dân sự tại hầu hết các nước giàu tài nguyên, đặc biệt tại các quốc gia mà công chúng và báo chí đang gặp nhiều thách thức trong việc thực hành các quyền cơ bản và khả năng yêu cầu giải trình trách nhiệm từ phía chính phủ của mình. Và tại các nước được đánh giá là thiếu *môi trường thuận lợi* ở các khía cạnh như nền pháp trị, chất lượng quản lý nhà nước và kiểm soát tham nhũng, thì các quy định pháp luật cụ thể với các ngành công nghiệp khai thác sẽ kém hiệu quả khi thực hiện.

## 5 Củng cố các thông lệ và thiết chế quốc tế

Các chính phủ, các tổ chức quốc tế và các tổ chức phi chính phủ cần cùng nhau hợp tác để củng cố khung quản trị tài nguyên thiên nhiên toàn cầu, trong đó có các quy định có thể gây ảnh hưởng tới cách ứng xử của các tập đoàn đa quốc gia. Trong khi Mỹ trì hoãn và không chắc chắn trong việc thực thi luật bắt buộc công khai thông tin các khoản chi trả cho chính phủ ở cấp dự án, việc Liên minh Châu Âu và Canada tiếp tục kiên định với các quy định của mình và cải thiện chúng bằng cách bổ sung các giao dịch liên quan tới mua bán hàng hóa, trở nên đặc biệt quan trọng.[16] Ngoài ra, Công ước chống tham nhũng, hối lộ của các quốc gia thành viên OECD cần được đảm bảo, và các chính phủ quốc gia thành viên cũng phải tôn trọng và tuân thủ những cam kết của mình tại Hội nghị Thượng đỉnh Chống Tham nhũng tổ chức tại Vương quốc Anh năm 2016. Các sáng kiến quốc tế như EITI cũng đã và đang tạo ra thay đổi quan trọng về tính minh bạch, và cần tiếp tục thúc đẩy nhằm hỗ trợ các quốc gia thể chế hóa các cải cách quản trị trong ngành công nghiệp khai thác và đồng thời yêu cầu các doanh nghiệp có trách nhiệm giải trình cao hơn. Các thể chế tài chính quốc tế và các ngân hàng phát triển đa phương cũng cần tích hợp đầy đủ yêu cầu minh bạch về tài nguyên - bao gồm các hợp đồng và các khoản chi trả - trong các tiêu chí xét duyệt cho vay của mình.

## 6 Sử dụng bằng chứng dữ liệu để thúc đẩy cải cách

Chỉ số này chỉ là một trong số ngày càng nhiều các cơ sở dữ liệu mà các nhà nghiên cứu, phân tích và vận động chính sách có thể sử dụng để hiểu và thúc đẩy các cải cách trên toàn thế giới. Hai ví dụ có thể kể đến là ResourceProjects.org và ResourceContracts.org. Cuộc cách mạng dữ liệu mở (open data) ngày càng khiến cho các thông tin, dữ liệu trở nên dễ tiếp cận hơn. Tuy nhiên, thách thức lớn là làm sao có thể sử dụng, vận dụng chúng trong các quyết định chính sách, cải thiện quản trị và phòng chống tham nhũng. Ở khía cạnh này, các chính phủ, viện nghiên cứu chính sách, giới truyền thông và các tổ chức xã hội nên: đo lường và giám sát chất lượng quản trị và hiệu quả quản lý tài nguyên và nguồn thu thông qua «chuỗi giá trị»; thiết kế các sáng kiến cải thiện các thể chế, chính sách và thực hành tốt từ các đánh giá dựa trên bằng chứng; tài trợ phát triển các hệ thống giúp thu thập, cung cấp và phân tích các dữ liệu quan trọng ở các nước giàu tài nguyên một cách thường xuyên và kịp thời. Sức mạnh của thông tin, dữ liệu sẽ giúp các quốc gia trong việc thiết kế các chiến lược, kế hoạch cải cách toàn diện, khả thi và phù hợp thực tế. Cộng đồng quốc tế cũng nên đảm bảo rằng các thông tin công khai về các ngành khai thác tài nguyên được công bố theo đúng các tiêu chuẩn trong Hiến chương về Dữ liệu Mở.

## Chú thích

1 Số người nghèo được tính bằng cách nhân tỷ lệ nghèo của Ngân hàng Thế giới ở mức 3,10 USD một ngày (dữ liệu mới nhất) với tổng dân số theo Ngân hàng Thế giới (2015) của mọi quốc gia, sau đó tính tổng của các quốc gia trong Chỉ số và chia cho tổng của tất cả các quốc gia. Các nguồn dữ liệu có tại: www.resourcegovernanceindex.org

2 Đóng góp về sản lượng dầu, khí và khoáng sản trong xếp hạng này được tính bằng tổng sản lượng của các quốc gia năm 2016 (các nguồn dữ liệu có tại: www.resourcegovernanceindex.org) chia cho tổng sản lượng toàn cầu năm 2016. Đối với các vùng lãnh thổ - Australia (Miền Tây), Canada (Alberta) và Mỹ (Vịnh Mexico) - chỉ tính sản lượng của vùng đó. Nếu lĩnh vực đánh giá là khai khoáng, sản lượng của từng mặt hàng khoáng sản trong tổng số 8 mặt hàng đều được tính. Nếu lĩnh vực đánh giá là dầu khí thì không tính sản lượng các mặt hàng khoáng sản và ngược lại.

3 Hợp phần môi trường thuận lợi trong Chỉ số bao gồm sáu Chỉ số Quản trị Toàn cầu (tiếng nói và trách nhiệm giải trình; độ ổn định chính trị và không có bạo lực; tính hiệu quả của chính phủ; chất lượng quản lý nhà nước; tính pháp quyền; và kiểm soát tham nhũng) và tiểu hợp phần thứ bảy về dữ liệu mở, bao gồm Chỉ số Dữ liệu Mở Toàn cầu (Global Open Data Index), Bảng đo Dữ liệu Mở (Open Data Barometer) và Bảng kê Dữ liệu Mở (Open Data Inventory). Chi tiết kỹ thuật về sáu chỉ số quản trị xem Daniel Kaufmann, Aart Kraay, and Massimo Mastruzzi. he Worldwide Governance Indicators: Methodology and Analytical Issues. World Bank Policy Research Working Paper No. 5430. September 2010.

4 Andrew Warner, "Natural Resource Booms in the Modern Era: Iss the curse still alive?" International Monetary Working Paper No.15.237 (2015).

5 Natural Ressource Governance Insstitute, *Natural Ressource Charter* (2014) and Marcartan Humphreys, Jeffrey Sachs and Joseph Stiglitz (editors). *Escaping the Resource Curse* (New Yor: Columbia University Press, 2007).

6 International Monetary Fund, *Macroeconomic Policy Frameworks for Resource rich developing countries* (2012), Appendix 1,48-50.

7 Natural resource Governance Institute, Natural Resource Charter; and Paul Collier, the Plundered Planet (London: Allen Lane, 2010).

8 Xem chú thích 1.

9 Warner, "Natural Resource Booms in the Modern Era: Is the curse still alive?"

10 Claire Melamed, Renate Hartwig and Ursula Grant, *Jobs, growth and poverty: what do we know, what don't we know, what should we know?* Overseas Development Institute (2011); Dni Rodrik, *The past, present and future of economic growth.* Global Citizen Foundation, Working Paper 1 (2013); World Bank, *The Growth Report: Strategies for Sustained Growth and Inclusive Development,* Commission on Growth and Development (2008); Margaret S.McMillan and Dani Rodrik "Globalization, structural change and productivity growth" *National Bureau of Economic Research,* Working Paper 17143 (2001).

11 Rabah Arezki, Rick van der Ploeg and Frederik Toscani, "The Shifting Natural Wealth of Nations: The Role of Market Orientation", Oxford Centre for the Analysis of Resource-rich Economies, OxCarre Research Paper 180. (2017).

12 James Cust, David Manley and Giorgia Cecchinato, "Unburnable wealth of nations", *Finance & Development*, Vol. 54, No. 1, (2017).

13 Alexandra Gillies, Marc Guéniat and Lorenz Kummer, *Big Spenders: Swiss Trading Companies, African Oil and the Risks of Opacity*, Natural Resource Governance Institute (2014).

14 Andrew Bauer (editor) *Managing the public trust: How to make natural resource funds work for citizens*, Natural Resource Governance Institute (2014).

15 Patrick R. P. Heller, Paasha Mahdavi and Johannes Schreuder, *Reforming National Oil Companies: Nine Recommendations*, Natural Resource Governance Institute and Columbia Center on Sustainable Investment (2014).

16 Daniel Kaufmann, "Trump should think again on mining transparency law." *Financial Times*. 8 March 2017.

**Trung tâm Con người và Thiên nhiên** là tổ chức phi lợi nhuận hoạt động nhằm bảo vệ môi trường, bảo tồn sự đa dạng và phong phú của thiên nhiên, nâng cao chất lượng cuộc sống của cộng đồng địa phương thông qua tìm kiếm, quảng bá, thực hiện các giải pháp bền vững và thân thiện với môi trường.

**LIÊN MINH KHOÁNG SẢN**

Liên minh Khoáng sản là mạng lưới gồm các tổ chức (Trung tâm Con người và Thiên nhiên, Phòng Thương Mại và Công nghiệp Việt Nam, Trung tâm Phát triển và Hội nhập, Hội Địa Chất Kinh tế, Diễn đàn các Nhà báo Môi trường, Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Hà Giang và Hội Nông dân Hòa Bình) cùng hoạt động với mục tiêu thúc đẩy minh bạch và trách nhiệm giải trình, giảm thiểu tác động môi trường – xã hội trong lĩnh vực khai thác khoáng sản.


Mọi thông tin xin liên hệ:

*Tổ chức điều phối Liên minh Khoáng sản*

Trung tâm Con người và Thiên nhiên

Số 24 H2, Khu đô thị mới Yên Hòa, P. Yên Hòa, Q. Cầu Giấy, Hà Nội

ĐT: (024) 3556-4001 – Fax: (024) 3665-8941

Email: contact@nature.org.vn  Website: www.nature.org.vn



Bản dịch tài liệu được thực hiện với sự hỗ trợ của: OXFAM


Viện Quản trị Tài nguyên Thiên nhiên (NRGI) là một tổ chức phi lợi nhuận độc lập giúp công chúng nhận diện được những lợi ích của tài sản dầu, khí và khoáng sản ở đất nước mình thông qua các nghiên cứu ứng dụng và tiếp cận sáng tạo với phát triển năng lực, tư vấn kỹ thuật và vận động chính sách.

**Chi tiết xem tại: www.resourcegovernance.org**

Natural Resource Governance Institute

Oil, gas and mining for development